

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NGÀNH: Y SỸ
MÃ NGÀNH: 5720101**

Đồng Tháp - Năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-CĐYT ngày 24/02/2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: Y sĩ

Mã ngành, nghề: 5720101

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Y sĩ trình độ trung cấp có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp để chăm sóc sức khỏe nhân dân, cho các đối tượng trong bệnh viện và ngoài cộng đồng; góp phần đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Người Y sĩ có kiến thức cơ bản chuyên ngành y làm nền tảng cho các kỹ thuật chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản như sau:

- Khám, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh thông thường;
- Sử dụng và bảo quản được vật liệu, dụng cụ trang thiết bị thuộc chuyên ngành y;
- Thực hiện công tác điều dưỡng cơ bản tại phòng khám, điều trị;
- Thực hiện công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe ban đầu ở cộng đồng, khám định kỳ, phát hiện sớm một số bệnh lý thông thường và tình trạng bất thường để xử trí hoặc chuyển tuyến trên;
- Có khả năng tham gia công tác quản lý, công tác hành chính tại cơ sở y tế các tuyến;
- Tham gia các lớp đào tạo liên tục về chuyên ngành y và có khả năng tự học vươn lên.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau tốt nghiệp, người học sẽ làm việc ở các trung tâm y tế tuyến huyện và các trạm y tế tuyến xã.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 28 môn học (có 01 môn học tự chọn)
- Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ.

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1825 giờ.
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ.
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1570 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 542 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1283 giờ.

3. Nội dung chương trình

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
1	MH5101	Giáo dục chính trị	02	30	15	13	02
2	MH5102	Giáo dục quốc phòng và an ninh	02	45	21	21	03
3	MH5103	Giáo dục thể chất	01	30	04	24	02
4	MH5104	Tiếng Anh	04	90	30	56	04
5	MH5105	Tin học	02	45	15	29	01
6	MH5106	Pháp luật	01	15	09	05	01
	II	Các môn học chuyên môn					
	II.1	Các môn học cơ sở	09	200	136	58	06
7	MH5107	Giải phẫu sinh lý	03	70	39	29	02
8	MH5108	Sinh lý bệnh	01	20	19		01
9	MH5109	Dược lý	02	40	39		01
10	MH5110	Kỹ thuật điều dưỡng	03	70	39	29	02
	II.2	Các môn học chuyên môn	40	1350	293	1027	30
11	MH5111	Bệnh học nội khoa	04	90	59	29	02
12	MH5112	Bệnh học ngoại khoa	04	90	59	29	02
13	MH5113	Sức khỏe trẻ em	04	90	59	29	02
14	MH5114	Sức khỏe sinh sản	03	70	39	29	02
15	MH5115	Bệnh truyền nhiễm – xã hội	02	40	39		01
16	MH5116	Y tế cộng đồng	01	20	19		01
17	MH5117	Y học cổ truyền	02	50	19	29	02
18	MH5118	Thực tập lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng	02	90		88	02
19	MH5119	Thực tập lâm sàng nội khoa	03	135		132	03
20	MH5120	Thực tập lâm sàng ngoại	03	135		132	03

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
		khoa					
21	MH5121	Thực tập lâm sàng nhi khoa	03	135		132	03
22	MH5122	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa	02	90		88	02
23	MH5123	Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm	01	45		44	01
24	MH5124	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền	01	45		44	01
25	MH5125	Thực tập y tế cộng đồng	01	45		44	01
26	MH5126	Thực tập tốt nghiệp	02	90		88	02
27	MH5127	Báo cáo tốt nghiệp	02	90		90	
	II.3	Môn tự chọn	01	20	19		01
28	MH5128	Bệnh chuyên khoa	01	20	19		01
29	MH5129	Phục hồi chức năng	01	20	19		01
		Tổng cộng	62	1825	542	1233	50

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Theo kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học, Đoàn thanh niên phối hợp với Phòng Công tác sinh viên xây dựng nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa tùy theo tình hình thực tế và công bố cho sinh viên vào đầu khóa học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

- Hình thức thi:

Lý thuyết: thi tập trung, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (MCQs), tự luận (với một số môn đặc biệt như giáo dục chính trị).

Thực hành: bài thi thực hành chạy trạm.

Thực tập: thi vấn đáp dựa vào bài báo cáo, bệnh án.

- Thời điểm thi: sau khi dạy và học xong môn học.

- Bộ phận thực hiện: các khoa có trách nhiệm phối hợp với Phòng Thông tin - khảo thí cho người học thi kết thúc môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Y sỹ và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

4.4. Các chú ý khác:

Kế hoạch dạy học:

Số TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
HỌC KỲ I						
1	Giáo dục chính trị	02	30	15	13	02
2	Giáo dục quốc phòng và an ninh	02	45	21	21	03
3	Giáo dục thể chất	01	30	04	24	02
4	Tiếng Anh	04	90	30	56	04
5	Giải phẫu sinh lý	03	70	39	29	02
6	Sinh lý bệnh	01	20	19		01
7	Kỹ thuật điều dưỡng	03	70	39	29	02
Tổng cộng		16	355	167	172	16
HỌC KỲ II						
1	Pháp luật	01	15	09	05	01
2	Tin học	02	45	15	29	01
3	Thực tập lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng	02	90		88	02
4	Dược lý	02	40	39		01
5	Bệnh học nội khoa	04	90	59	29	02
6	Sức khỏe trẻ em	04	90	59	29	02
Tổng cộng		15	370	181	180	09
HỌC KỲ III						
1	Bệnh học ngoại khoa	04	90	59	29	02
2	Sức khỏe sinh sản	03	70	39	29	02

Số TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
3	Bệnh truyền nhiễm – xã hội	02	40	39		01
4	Thực tập lâm sàng nội khoa	03	135		132	03
5	Thực tập lâm sàng nhi khoa	03	135		132	03
Tổng cộng		15	470	137	322	11
HỌC KỲ IV						
1	Thực tập lâm sàng ngoại khoa	03	135		132	03
2	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa	02	90		88	02
3	Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm	01	45		44	01
4	Môn học tự chọn	01	20	19		01
5	Y học cổ truyền	02	50	19	29	02
6	Y tế cộng đồng	01	20	19		01
7	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền	01	45		44	01
8	Thực tập Y tế cộng đồng	01	45		44	01
9	Thực tập tốt nghiệp	02	90		88	02
10	Báo cáo tốt nghiệp	02	90		90	
Tổng cộng		16	630	57	559	14

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 01

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 13 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	01	01		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	04	02	02	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	05	03	02	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	05	03	02	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	05	05	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	03	01	02	
7	Kiểm tra	02			02
Cộng		30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được: trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất môn học
- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;
- 1.2. Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
 - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
 - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

1.2. Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

1.2. Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

1.2. Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1.1. Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

1.2. Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

2. Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

3. Khi có đủ điều kiện về phòng học và các điều kiện khác, Trường có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Nhà trường sẽ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013. Các tài liệu liên quan khác./.
21. Giáo trình môn học Giáo dục chính trị của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 02

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện: 45 giờ; (Lý thuyết: 21 giờ; Lược hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức

1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
3. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
4. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
2. Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
3. Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
4. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
3. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	02	02		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	04	03	01	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	04	03	01	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	04	03	01	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	04	03	01	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	04	03	01	
7	Kiểm tra	01			01
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	04	01	03	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	02	08	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	06	01	05	
11	Kiểm tra	02			02
Cộng		45	21	21	03

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- 1.2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- 1.2. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
 - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"
 - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
 - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam
 - 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ
 - 2.3.1. Quan điểm chỉ đạo
 - 2.3.2. Phương châm tiến hành
- 2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay
 - 2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ
 - 2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế
 - 2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
 - 2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt
 - 2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh
 - 2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

1.2. Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: Đội ngũ đơn vị

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

1.2. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1.1. Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

1.2. Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
- 2.3. Thực hành

Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- 1.2. Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

- 2.1. Cầm máu tạm thời
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời
 - 2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
 - 2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời
- 2.2. Cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
- 2.3. Hô hấp nhân tạo
 - 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
 - 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
 - 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
 - 2.4.1. Mang vác bằng tay
 - 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

- 2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

Mô hình súng AK-47, CKC;
Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

Máy bắn MBT-03;
Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

Bao đạn;
Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
Giá đặt bia đa năng;
Kính kiểm tra đường ngắm;
Đồng tiền di động;
Mô hình đường đạn trong không khí;
Hộp dụng cụ huấn luyện;
Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
Dụng cụ băng bó cứu thương;
Cáng cứu thương;
Giá súng và bàn thao tác;
Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
Trang phục mùa hè;
Trang phục dã chiến;
Mũ Kêpi;
Mũ cứng;
Mũ mềm;
Thắt lưng;

Giấy da;
Tất sợi;
Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
Biển tên;
Ca vát.
Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
Trang phục hè;
Mũ cứng;
Mũ mềm;
Giày vải;
Tất sợi;
Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
Thắt lưng;
Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm, thi thực hành.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.
29. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 03

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

- Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Bài mở đầu	01	01		
II	Chương I: Giáo dục thể chất chung	15	02	12	01
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	06	01	05	
2	Bài 2: Điền kinh	08	01	07	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	01			01
III	Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	14	01	12	01

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	01	12	01
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	01	12	01
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	01	12	01
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	01	12	01
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	01	12	01
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	01	12	01
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	01	12	01
Cộng		30	4	24	02

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được: Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

- 2.1. Vị trí, tính chất môn học
- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: Giáo dục thể chất chung

Bài 1: Thể dục cơ bản

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- 1.2. Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản
- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung:

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: Môn bơi lội

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;

1.2. Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn cầu lông

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

1.2. Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

- 2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm
- 2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay
- 2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay
- 2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ
- 2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- 1.2. Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyên bước 2)
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyên bước 1)
 - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
 - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn bóng rổ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- 1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- 1.2. Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
 - 2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
 - 2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn bóng đá

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- 1.1.Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- 1.2.Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: Môn bóng bàn

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- 1.1.Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- 1.2.Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

Điền kinh: Chạy cự ly ngắn và trung bình; Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra thực hành.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.
21. Giáo trình môn học Giáo dục thể chất của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 04

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí:

Chương trình môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất:

Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

- Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

- Về kỹ năng

1. Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2. Kỹ năng nói: Đưa ra và trả lời các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

3. Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

4. Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	09	03	06	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	09	03	06	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	09	03	06	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	09	03	06	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	09	03	04	02
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	09	03	06	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	09	03	06	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	09	03	06	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	09	03	06	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	09	03	06	02
Cộng		90	30	56	04

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- 1.2. Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- 1.3. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- 1.4. Nói về bản thân và gia đình;
- 1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;

1.6. Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;

1.2. Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;

1.3. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

1.4. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;

1.6. Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (Places)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- 1.3. Hỏi đường và chỉ đường;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
- 2.1.2. Các tính từ thông dụng;
- 2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
- 2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- 2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

1.3. Hỏi về số lượng;

1.4. Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

1.5. Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

1.3. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ nghỉ (Vacation)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 1.3. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (Activities)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 1.3. Nói về các hoạt động hàng ngày;

- 1.4. Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- 1.5. Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. Sở thích (Hobbies and interests)

1. Mục tiêu:

- 1.1. Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;
- 1.2. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 1.3. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;

- 2.2.2. Thi quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng người học;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Nhà giáo sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức:

Các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra câu hỏi trắc nghiệm.

Nhà giáo có thể vận dụng kết hợp kiểm tra nghe, nói, tự luận, trắc nghiệm để đánh giá các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

Đối với nhà giáo: Nhà giáo vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, nhà giáo nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.
9. Giáo trình môn học Tiếng anh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 05

Tên môn học: TIN HỌC

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II.

- Tính chất

Chương trình môn học Tin học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
2. Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
3. Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
4. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
5. Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
6. Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
7. Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	04	03	01	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	04	02	02	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	03	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	09	03	06	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	08	02	06	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	04	02	02	
7	Kiểm tra	01			01
Cộng		45	15	29	01

2. Nội dung chi tiết

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

- 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
- 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
- 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
- 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
 - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
 - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

- 2.4.1. Dòng và cột
 - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
 - 2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi người học 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho người học (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội :

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm, thi thực hành trên máy vi tính.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Phòng Đào tạo – QLKH phối hợp với Khoa Cơ bản – Cơ sở tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiên, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiên, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.
12. Giáo trình môn học Tin học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 06

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ; (Lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II.

- Tính chất

Chương trình môn học Pháp Luật bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức

1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
2. Trình bày được nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Về kỹ năng

1. Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
2. Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	02	01	01	
2	Bài 2: Hiến pháp	02	01	01	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	07	05	02	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	02	01	01	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	01	01		
6	Kiểm tra	01			01
Cộng		15	09	05	01

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: Hiến pháp

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật lao động

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra.

Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra.

Thi kết thúc môn học: Bài kiểm tra viết. Sử dụng câu hỏi truyền thống có cải tiến, kết hợp với bộ câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.
18. Giáo trình môn học Pháp luật của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 07

Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý Thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Giải phẫu sinh lý là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp cho người học thuộc đối tượng trung cấp các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các môn học khác.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Mô tả được vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người.
2. Trình bày được các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- Về kỹ năng:

1. Chỉ được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình sẵn có và trên người.
2. Vận dụng kiến thức giải phẫu vào các môn học khác theo nhiệm vụ chức năng khám và chăm sóc người bệnh của mình.
3. Vận dụng các kiến thức sinh lý vào học tập các môn Y học lâm sàng, Y học dự phòng và các mối liên quan khác trong chương trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học hiểu được vai trò giải phẫu và sinh lý trong y học lâm sàng cũng như y học dự phòng.
2. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của người học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương I: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý	08	06	02	
1	Tế bào và các mô	02	02		
2	Đại cương giải phẫu và hệ xương	06	04	02	
II	Chương II: Các hệ cơ quan	50	30	19	01
1	Hệ cơ	07	04	03	
2	Hệ thần kinh	05	03	02	
3	Hệ tuần hoàn	07	04	03	
4	Hệ hô hấp	07	04	03	
5	Hệ tiêu hoá	07	04	03	
6	Hệ tiết niệu	06	04	02	
7	Hệ nội tiết	03	02	01	
8	Hệ sinh dục	05	03	02	
9	Các giác quan	03	02		01
III	Chương III: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm	12	03	08	01
1	Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt	05	03	01	01
2	Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu Kỹ thuật đếm số lượng bạch cầu	01		01	
3	Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu	01		01	
4	Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu	02		02	
5	Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu	01		01	
6	Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra	02		02	
Cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cấu trúc của tế bào: cấu trúc của màng tế bào, cấu trúc của bào tương và các bào quan, cấu trúc của nhân.
- 1.2. Trình bày được các chức năng cơ bản của tế bào.
- 1.3. Giải thích được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- 1.4. Trình bày được các mức cấu trúc của cơ thể người.
- 1.5. Trình bày được các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- 1.6. Nhận biết được các xương chính của bộ xương trục và xương treo.

2. Nội dung:

- 2.1. Cấu trúc, chức năng của tế bào và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
 - 2.1.1. Những đặc điểm cơ bản của tế bào cơ thể người.
 - 2.1.2. Đại cương cấu trúc và chức năng của tế bào.
 - 2.1.3. Bào tương và các bào quan.
 - 2.1.4. Nhân tế bào.
 - 2.1.5. Hệ thống chức năng của tế bào.
 - 2.1.6. Sự tiêu hoá chất trong tế bào.
 - 2.1.7. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào.
- 2.2. Đại cương về giải phẫu sinh lý.
 - 2.2.1. Các mức cấu trúc của cơ thể người.
 - 2.2.2. Môi trường bên trong và sự hằng định nội môi.
 - 2.2.3. Các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- 2.3. Bộ xương.
 - 2.3.1. Bộ xương trục.
 - 2.3.2. Bộ xương treo.

Chương II: Các hệ cơ quan

Thời gian: 50 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả cấu trúc và chức năng của các loại mô.
- 1.2. Trình bày được cá giới hạn của bốn khoang cơ thể.
- 1.3. Kể được các thành phần chứa trong các khoang cơ thể.
- 1.4. Mô tả cấu trúc và chức năng của động mạch, tĩnh mạch và mao mạch.
- 1.5. Mô tả được cấu tạo, vị trí, hình thể của tim.
- 1.6. Trình bày được giải phẫu bộ máy hô hấp.
- 1.7. Trình bày được các cơ chế điều hoà hô hấp.
- 1.8. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của hệ tiêu hoá.
- 1.9. Trình bày được các hoạt động cơ học của hệ tiêu hoá.
- 1.10. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo các cơ quan của hệ tiết niệu, hệ sinh dục.
- 1.11. Trình bày được chức năng của thận, hệ sinh dục.

1.12. Trình bày cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh.

2. Nội dung:

2.1. Hệ cơ.

2.1.1. Đại cương về hệ cơ.

2.1.1.1. Cơ bám xương.

2.1.1.2. Cơ trơn.

2.1.1.3. Cơ tim.

2.1.2. Các khoang trong cơ thể.

2.1.2.1. Họng sọ.

2.1.2.2. Lồng ngực.

2.1.2.3. Ổ bụng.

2.1.2.4. Khoang chậu hông.

2.2. Hệ thần kinh.

2.2.1. Cấu trúc và chức năng của nơron.

2.2.2. Hệ thần kinh ngoại vi.

2.2.3. Phân tự chủ của thần kinh ngoại vi.

2.2.4. Chức năng cảm giác của hệ thần kinh.

2.2.5. Chức năng vận động của thần kinh.

2.3. Hệ tuần hoàn.

2.3.1. Đại cương về hệ tim mạch.

2.3.2. Cấu tạo các mạch máu.

2.3.3. Chức năng của động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.

2.3.4. Giải phẫu tim.

2.3.5. Các đặc tính sinh lý của tim.

2.3.6. Chu kỳ hoạt động của tim.

2.3.7. Lưu lượng tim.

2.4. Hệ hô hấp.

2.4.1. Giải phẫu hệ hô hấp.

2.4.2. Chức năng hệ hô hấp.

2.4.3. Phê nang và màng hô hấp.

2.4.4. Lồng ngực.

2.4.5. Màng phổi.

2.4.6. Các động tác hô hấp.

2.4.7. Các thể tích hô hấp.

2.5. Hệ tiêu hoá.

2.5.1. Đại cương.

2.5.2. Miệng.

- 2.5.3. Dạ dày.
- 2.5.4. Ruột non và các tuyến tiêu hoá lớn.
- 2.6. Hệ tiết niệu.
- 2.6.1. Thận.
- 2.6.2. Chức năng thận.
- 2.6.3. Quá trình tạo nước tiểu.
- 2.6.4. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống thận.
- 2.6.5. Chức năng nội tiết của thận.
- 2.6.6. Niệu quản.
- 2.6.7. Bàng quang.
- 2.7. Hệ nội tiết.
- 2.8. Hệ sinh dục.
- 2.8.1. Hệ sinh dục nam.
- 2.8.2. Hệ sinh dục nữ.
- 2.9. Các giác quan.

Chương III: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các dạng, vai trò và nhu cầu của protid, lipid, glucid.
- 1.2. Trình bày được các dạng năng lượng, nguyên nhân tiêu hao năng lượng, điều hoà chuyển hoá năng lượng.
- 1.3. Trình bày nguyên tắc đếm số lượng hồng cầu bạch cầu và các chỉ số bình thường.
- 1.4. Thực hiện đúng quy trình đếm số lượng hồng cầu bạch cầu.
- 1.5. Trình bày nguyên tắc xác định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp huyết thanh mẫu.
- 1.6. Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu, tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, thời gian máu đông, phản ứng chéo.

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt.
- 2.1.1. Chuyển hoá glucid.
- 2.1.2. Chuyển hoá protid.
- 2.1.3. Chuyển hoá lipid.
- 2.1.4. Chuyển hoá năng lượng.
- 2.1.5. Các nguyên nhân tiêu hao năng lượng.
- 2.2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu.
- 2.3. Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu.

2.4. Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli. Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu.

2.5. Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu.

2.6. Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: Laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành (tranh vẽ, mô hình giải phẫu, kính hiển vi,...).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: đánh giá qua bài trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn các nội dung về đặc điểm giải phẫu, sinh lý các hệ cơ quan: vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người; các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- Về kỹ năng: đánh giá qua việc người học xác định được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình và trên người.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của người học.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);

- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX_1 + KTTX_2 + (KTĐK_1 + KTĐK_2) \times 2] / 6$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết (TLT):

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH) / 2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Giải phẫu sinh lý được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các môn học khác.

4. Tài liệu tham khảo

1. Atlas giải phẫu người, NXB Y học 2009
2. Bài giảng giải phẫu tập I - II của Trường Đại học Y Dược TP.HCM.

3. Đại học Y Hà Nội: Giải phẫu, NXB Y học năm 2006
 4. Đại học Y Hà Nội: Giáo trình Sinh lý, NXB Y học năm 2006
 5. Đại học Y Hà Nội, Bộ môn giải phẫu, Y học, 2007.
 6. Sinh lý học, Bộ Y tế, NXB Giáo dục 2009.
 7. Giáo trình môn học Giải phẫu sinh lý của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- 5. Ghi chú và giải thích:** không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 08

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Sinh lý bệnh là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I, sau môn học Giải phẫu sinh lý.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- Về kỹ năng:

Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	01
Cộng		20	19	01

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học Sinh lý bệnh trong y học.
- 1.2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.
- 1.3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.
- 1.4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học
 - 2.2.1. Vị trí.
 - 2.2.2. Tính chất và vai trò.
- 2.3. Khái niệm về bệnh
 - 2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.
 - 2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay
- 2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.
 - 2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên
 - 2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên
- 2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.
 - 2.5.1. Đại cương.
 - 2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.
 - 2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.
 - 2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.
- 1.4. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.
- 1.5. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.
 - 2.1.3. Chuyển hóa.
 - 2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.
 - 2.2.1. Rối loạn glucose máu
 - 2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.
- 1.3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.
 - 2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.
 - 2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.
 - 2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng
 - 2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.
 - 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.
 - 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.

1.4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Tiêu hóa hấp thu

2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.

2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)

2.1.4. Dự trữ mỡ.

2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid

2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid

2.2.1. Tăng lipid máu

2.2.2. Rối loạn lipo-protein.

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol

2.2.4. Béo phì.

2.2.5. Gầy.

2.2.6. Xơ vữa động mạch

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Kể được ba cách phân loại mất nước.

1.2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.

1.3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.

2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.

2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.

2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể

2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.

2.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.

2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.

1.2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.
- 2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.
 - 2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.
 - 2.2.2. Vai trò hô hấp.
 - 2.2.3. Vai trò của thận.
- 2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm
 - 2.3.1. Nhiễm toan.
 - 2.3.2. Nhiễm kiềm.
- 2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
- 1.2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.
- 1.3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.
- 1.4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.
 - 2.1.3. Phân loại viêm.
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.
 - 2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
 - 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.
 - 2.2.3. Tổn thương mô.
 - 2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
 - 2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.
 - 2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.
 - 2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.
- 1.4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.

1.5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung chương:

2.1. Điều hòa thân nhiệt.

2.1.1. Biến nhiệt và ổn nhiệt.

2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.

2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.

2.2.1. Giảm thân nhiệt.

2.2.2. Tăng thân nhiệt.

2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.

2.3.1. Định nghĩa.

2.3.2. Chất gây sốt.

2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.

2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.

2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.

2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.

2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

Bài 9: Sinh lý bệnh hệ tạo máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.

1.2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.

1.3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

2. Nội dung chương:

2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.

2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.

2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.

2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.

2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.

2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.

2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.

2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.

2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.

2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.

2.3.1. Tình trạng tăng đông.

2.3.2. Tình trạng giảm đông.

Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.
- 1.2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.
- 1.3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Suy tim
 - 2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.
 - 2.1.2. Suy tim
- 2.2. Bệnh lý ở mạch.
 - 2.2.1. Xơ vữa động mạch.
 - 2.2.2. Cao huyết áp.
 - 2.2.3. Hạ huyết áp.

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.
- 1.3. Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương chức năng hô hấp.
- 2.2. Rối loạn thông khí.
 - 2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thở.
 - 2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.
- 2.3. Rối loạn khuếch tán.
 - 2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.
 - 2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.
 - 2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.
- 2.4. Suy hô hấp.
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Phân loại.
 - 2.4.3. Biểu hiện của suy hô hấp.
 - 2.4.4. Thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.

2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày

2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.

2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.

2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.

2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.

2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.

2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.

2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.

2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiếu năng tiêu hóa.

Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.

1.2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.

2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.

2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.

2.3. Rối loạn chức năng của gan.

2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.

2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.

2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.

2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.

2.4. Suy gan.

2.4.1. Suy gan cấp tính.

2.4.2. Suy gan mạn tính.

2.4.3. Hôn mê gan.

Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về chức năng thận

2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận

2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.

2.2.2. Đặc điểm chức năng.

2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.

2.3.1. Nước tiểu.

2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.

2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.

2.4.1. Viêm cầu thận cấp.

2.4.2. Viêm cầu thận mạn.

2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.

2.4.4. Viêm ống thận cấp.

2.5. Suy thận

2.5.1. Suy thận cấp.

2.5.2. Suy thận mạn.

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.

1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.

1.3. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.

1.4. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiếu năng miễn dịch do nhiễm HIV.

1.5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Quá mẫn

2.1.1. Đại cương.

2.1.2. Quá mẫn type I.

2.1.3. Quá mẫn type II.

2.1.4. Quá mẫn type III.

2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)

2.2. Thiếu năng miễn dịch

2.2.1. Đại cương.

- 2.2.2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
- 2.2.3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải.
- 2.3. Bệnh tự miễn
- 2.3.1. Đại cương.
- 2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.
- 2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.
- 2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.
- 2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.
- 2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
- Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
- Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

Về kỹ năng:

- Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);

- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
 - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Kiểm tra định kỳ:
- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
 - Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
 - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
 - Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
3. Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
4. Giáo trình môn học Sinh lý bệnh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 09

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Dược lý là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II, sau môn học Sinh lý bệnh.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của thuốc để sử dụng thuốc an toàn khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
2. Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
2. Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	04	04	
2	Vitamin và các chất vô cơ	04	04	
3	Vaccin phòng bệnh	02	02	
4	Thuốc kháng sinh	02	02	
5	Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	02	02	
6	Thuốc ngủ, an thần, chống co giật	02	02	
7	Thuốc nội tiết	02	02	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
8	Thuốc điều trị các bệnh tim mạch	04	04	
9	Thuốc lợi tiểu	02	02	
10	Thuốc điều trị ho và hen phế quản	04	04	
11	Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa	04	04	
12	Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu	02	02	
13	Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base	04	03	01
14	Thuốc chống dị ứng	02	02	
Cộng		40	39	01

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc và quan niệm về dùng thuốc trong điều trị.
- 1.2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc.
- 1.3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc, tai biến do thuốc và tương tác thuốc.
- 1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
nồng độ, hàm lượng; các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; sự biến đổi và các đường thải trừ của thuốc.

2. Nội dung:

- 2.1. Dược lý học
 - 2.1.1. Khái niệm về thuốc.
 - 2.1.2. Quan niệm về dùng thuốc.
- 2.2. Dược động học.
 - 2.2.1. Hấp thu.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.3. Chuyển hóa thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.4. Thải trừ thuốc.
- 2.3. Tác dụng của thuốc.
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc.
 - 2.3.2. Tai biến do thuốc hay tác dụng không mong muốn.
- 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
 - 2.4.1. Các yếu tố thuộc về thuốc.

2.4.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh

2.4.3. Ảnh hưởng của thức ăn, nước uống tới tác dụng của thuốc.

2.4.4. Thời điểm dùng thuốc.

Bài 2: Vitamin và các chất vô cơ

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu:

1.1. Kể được vai trò, tác dụng, cách phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.

1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các vitamin và các chất vô cơ đã học.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về vitamin

2.1.1. Vai trò của vitamin đối với cơ thể.

2.1.2. Phân loại vitamin.

2.1.3. Nguyên tắc sử dụng vitamin.

2.1.4. Chống chỉ định dùng vitamin.

2.2. Một số vitamin thông dụng

2.3. Một số chất vô cơ thông dụng

Bài 3: Vaccin phòng bệnh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách phân loại và kỹ thuật bảo quản vaccin.

1.2. Trình bày được tính chất, chỉ định, cách dùng, bảo quản các vaccin phòng bệnh trong nội dung bài.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm về vaccin.

2.1.2. Phân loại các vaccin.

2.1.3. Bảo quản vaccin.

2.1.4. Chú ý khi sử dụng vaccine

2.2. Một số vaccine phòng bệnh thông dụng.

Bài 4: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và các đặc điểm của các họ kháng sinh.

1.2. Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.

1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc kháng sinh đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kháng sinh.
- 2.3. Nhóm kháng sinh kháng khuẩn.
 - 2.3.1. Nhóm Beta – lactam.
 - 2.3.2. Nhóm Aminoglycosid.
 - 2.3.3. Nhóm phenicol.
 - 2.3.4. Nhóm Tetracyclin.
 - 2.3.5. Nhóm Macrolid.
 - 2.3.6. Nhóm Quinolon.
- 2.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- 2.5. Một số kháng sinh thông dụng.

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm được giới thiệu trong bài học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.
 - 2.1.3. Tác dụng và cơ chế tác dụng.
 - 2.1.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc chống viêm không steroid.
- 2.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm thông dụng.
- 2.3. Hướng dẫn cộng đồng sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp hợp lý, an toàn.

Bài 6: Thuốc ngủ, an thần, chống co giật

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất barbituric, benzodiazepine.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ, an thần, chống co giật.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm.
 - 2.1.1. Thuốc ngủ.

- 2.1.2. Thuốc an thần.
- 2.1.3. Thuốc chống co giật.
- 2.2. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất Barbituric.
 - 2.2.1. Đặc điểm về cấu trúc.
 - 2.2.2. Một số dẫn xuất của Barbituric.
- 2.3. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.1. Bảng so sánh tác dụng của một số dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.2. Chuyển hóa của các dẫn chất benzodiazepine.
- 2.4. Một số thuốc ngủ, an thần, chống co giật thông dụng.

Bài 7: Thuốc nội tiết

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.
- 1.2. Nêu được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid.
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các hormon và các dẫn chất tổng hợp dùng làm thuốc được giới thiệu trong bài.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về thuốc nội tiết
 - 2.1.1. Định nghĩa nội tiết tố.
 - 2.1.2. Vai trò của thuốc nội tiết.
 - 2.1.3. Đặc điểm của thuốc nội tiết.
 - 2.1.4. Phân loại thuốc nội tiết.
- 2.2. Các thuốc nội tiết thông dụng
 - 2.2. Trình bày được công dụng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm.
- 2.3. Vận dụng được để hướng dẫn cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bài 8: Thuốc điều trị các bệnh tim mạch

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch.
- 1.2. Nêu được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản một số thuốc điều trị bệnh tim mạch.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.

2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

Bài 9. Thuốc lợi tiểu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, tính chất, tác dụng, cơ chế tác dụng của các thuốc lợi tiểu.
- 1.2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định, bảo quản các thuốc có tác dụng lợi tiểu.

2. Nội dung:

- 2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu.
 - 2.1.1. Nhóm sulfamid lợi tiểu.
 - 2.1.2. Các thuốc lợi tiểu khác.
- 2.2. Các thuốc lợi tiểu thông dụng.

Bài 10. Thuốc điều trị ho và hen phế quản

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được cách phân loại thuốc chữa ho, hen theo cơ chế tác dụng.
- 1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc chữa ho và hen phế quản.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Phân loại thuốc ho và hen phế quản.
 - 2.2.1. Thuốc chữa ho.
 - 2.2. Thuốc chữa hen phế quản.
- 2.3. Các thuốc chữa ho và hen phế quản thông dụng.

Bài 11. Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng.
- 1.2. Trình bày được cơ chế tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
- 1.3. Nêu được các phân loại thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ.
- 1.4. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun sán.
- 1.5. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng, thuốc nhuận tràng, lợi mật, thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ, thuốc trị giun sán.

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc chống viêm loét dạ dày – tá tràng
 - 2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng thông dụng

2.2. Thuốc nhuận tràng, lợi mật

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các thuốc nhuận tràng, lợi mật thông dụng.

2.3. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ.

2.3.1 Đại cương.

2.3.2. Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ thông dụng

2.4. Thuốc trị giun sán

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Một số thuốc trị giun sán thông dụng

Bài 12. Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa bệnh tai mũi họng.

1.2. Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc khi sử dụng thuốc chữa bệnh về mắt.

1.3. Trình bày được phân loại và sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da.

1.4. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc dùng cho mắt,

2. Nội dung:

2.1. Thuốc chữa bệnh tai, mũi, họng

2.2. Thuốc dùng cho mắt.

2.2.1. Phân loại thuốc chữa bệnh về mắt.

2.2.2. Các thuốc dùng cho mắt thông dụng.

2.3. Thuốc ngoài da

2.3.1. Phân loại.

2.3.2. Các thuốc thông dụng.

Bài 13. Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.

1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các dung dịch tiêm truyền đã học.

2. Nội dung:

2.1. Vai trò của nước và các chất điện giải đối với cơ thể.

2.1.1. Vai trò của nước trong cơ thể.

2.1.2. Vai trò của một số chất điện giải trong cơ thể

- 2.2. Phân loại các thuốc tiêm truyền
- 2.3. Một số thuốc và chế phẩm thông dụng.

Bài 14. Thuốc chống dị ứng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng tổng hợp.
- 1.2. Nêu được tính chất, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản của các thuốc chống dị ứng tổng hợp đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vài nét về dị ứng và thuốc chống dị ứng.
 - 2.1.2. Công thức chung của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.3. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.4. Tác dụng không mong muốn của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.5. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin tổng hợp.
 - 2.1.6. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng.
- 2.2. Các thuốc chống dị ứng thông dụng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học:

Phòng học lý thuyết, hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc:

Laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính, dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kỹ năng

Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;

Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.

Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Dược lý được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Dược lý học - Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Hóa dược – Dược lý (2006), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Giáo trình môn học Dược lý của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất :

- Vị trí:

Môn học Kỹ thuật điều dưỡng là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ I, sau môn học Giải phẫu sinh lý.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức cơ sở lý luận và những nguyên tắc chính để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày cơ sở lý luận và những nguyên tắc chính của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và các tai biến, cách phòng tránh tai biến khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh
2. Kể được chỉ định, lý do, chống chỉ định tiên hành các kỹ thuật chăm sóc.
3. Liệt kê đúng, đủ những dụng cụ tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh thông thường được làm ở tuyến y tế cơ sở.

- Về kỹ năng:

1. Tiến hành đúng quy trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh ở tuyến y tế cơ sở.
2. Thực hiện nghiêm túc chế độ vô khuẩn và thao tác nhẹ nhàng chính xác khi chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Ân cần chăm sóc người bệnh như người thân của gia đình mình, để họ tin tưởng và hợp tác trong quá trình chữa bệnh.
2. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tác phong khản trương, tận tình với người bệnh và ý thức vô khuẩn.
3. Hướng dẫn những kỹ thuật cần thiết để gia đình người bệnh và người bệnh tự chăm sóc sức khỏe của họ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Quy trình điều dưỡng	02	02		
2	Vô khuẩn và những vấn đề liên quan	02	02		
3	Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép	02	02		
4	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	02	02		
5	Xử lý chất thải	01	01		
6	Tiếp nhận vào bệnh viện, chuyển bệnh và xuất viện	03	02	01	
7	Dấu hiệu sinh tồn	05	02	02	01
8	Kỹ thuật rửa tay	04	02	02	
9	Kỹ thuật mang và tháo găng tay vô khuẩn	02	01	01	
10	Chăm sóc phòng ngừa loét	01	01		
11	Kỹ thuật chăm sóc ngừa loét tì đè	02	01	01	
12	Những nguyên tắc dùng thuốc	02	02		
13	Cho người bệnh dùng thuốc	01		01	
14	Kỹ thuật tiêm thuốc	04		04	
15	Kỹ thuật tiêm truyền dung dịch	03	02	01	
16	Kỹ thuật truyền máu	04	02	02	
17	Kỹ thuật lấy máu để thử xét nghiệm	02	01	01	
18	Kỹ thuật lấy đàm, phân, mủ để thử xét nghiệm	02	01	01	
19	Kỹ thuật lấy nước tiểu để thử xét nghiệm	02	01	01	
20	Kỹ thuật thông tiểu thường	02	01	01	
21	Kỹ thuật thông tiểu liên tục	02	01	01	
22	Kỹ thuật rửa bàng quang	02	01	01	
23	Kỹ thuật cho ăn bằng ống	02	01	01	
24	Kỹ thuật hút dịch vị	02	01	01	
25	Kỹ thuật rửa dạ dày	02	01	01	
26	Kỹ thuật cho thở dưỡng khí	02	01	01	
27	Kỹ thuật hút đàm nhớt	02	01	01	
28	Kỹ thuật thay băng vết thương thường	02	01	01	
29	Kỹ thuật thụt tháo	02	01	01	
30	Kỹ thuật chườm nóng – chườm lạnh	04	02	01	01
Cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quy trình điều dưỡng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được ý nghĩa của quy trình chăm sóc điều dưỡng.
- 1.2. Mô tả đầy đủ các bước của quy trình chăm sóc điều dưỡng.
- 1.3. Áp dụng quy trình điều dưỡng chăm sóc trong công tác chăm sóc người bệnh.
- 1.4. Ứng dụng được cách ghi phiếu theo dõi chăm sóc.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về quy trình chăm sóc.
- 2.2. Ý nghĩa và mục đích quy trình điều dưỡng
- 2.3. Quy trình chăm sóc điều dưỡng

Bài 2: Vô khuẩn và những vấn đề liên quan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được các giai đoạn đời sống con người liên quan đến sự nhiễm khuẩn
- 1.2. Nêu được 6 thành phần cơ bản của sự nhiễm khuẩn
- 1.3. Định nghĩa được thế nào là vô khuẩn ngoại khoa và vô khuẩn nội khoa.

2. Nội dung:

- 2.1. Các giai đoạn của đời sống con người liên quan đến sự nhiễm khuẩn
- 2.2. Các thành phần cơ bản của chuỗi nhiễm khuẩn
- 2.3. Vô khuẩn
- 2.4. Phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn

Bài 3: Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh
- 1.2. Liệt kê được 8 quy định khi ghi chép hồ sơ người bệnh
- 1.3. Nêu được quy định bảo quản và lưu trữ hồ sơ người bệnh

2. Nội dung:

- 2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh và sự ghi chép
- 2.2. Quy định chung
- 2.3. Các thành phần của hồ sơ người bệnh
- 2.4. Quy định về sự ghi chép phiếu chăm sóc
- 2.5. Bảo quản hồ sơ người bệnh
- 2.6. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án

Bài 4: Chống nhiễm khuẩn bệnh viện

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày thành phần cơ bản của chuỗi nhiễm khuẩn
- 1.2. Mô tả các biện pháp phá vỡ chuỗi nhiễm khuẩn
- 1.3. Liệt kê được các đường lây nhiễm trong môi trường bệnh viện
- 1.4. Thực hiện được các quy định về quy chế chống nhiễm khuẩn bệnh viện của Bộ Y tế
- 1.5. Nêu 9 tiêu chuẩn thực hành chống nhiễm khuẩn bệnh viện của Bộ Y tế
- 1.6. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện

2. Nội dung:

- 2.1. Các thành phần cơ bản của chuỗi nhiễm khuẩn
- 2.2. Các biện pháp phá vỡ chuỗi nhiễm khuẩn
- 2.3. Các đường lây nhiễm thường gặp trong môi trường bệnh viện
- 2.4. Quy định về quy chế chống nhiễm khuẩn bệnh viện của Bộ Y tế
- 2.5. Tiêu chuẩn thực hành chống nhiễm khuẩn của Bộ Y tế

Bài 5: Xử lý chất thải

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân biệt được các loại chất thải theo quy định của Bộ Y tế áp dụng được quy chế xử lý chất thải theo quy định
- 1.2. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại và xử lý chất thải.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Phân loại chất thải
- 2.3. Quy định về túi chứa, thùng đựng chất thải
- 2.4. Quy định cụ thể về xử lý chất thải

Bài 6: Tiếp nhận vào bệnh viện, chuyển bệnh và xuất viện

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được tầm quan trọng của công tác tiếp nhận bệnh nhân vào bệnh viện
- 1.2. Nêu các yêu cầu chuẩn bị phòng khám và phòng điều trị đón tiếp bệnh nhân
- 1.3. Nêu các yêu cầu về kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân khi bệnh nhân vào bệnh viện
- 1.4. Nêu các yêu cầu khi chuẩn bị cho bệnh nhân chuyển – xuất viện.
- 1.5. Nêu được các nội dung giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân khi xuất viện

2. Nội dung:

- 2.1. Tầm quan trọng của công tác tiếp nhận bệnh nhân vào bệnh viện
- 2.2. Tiếp đón bệnh nhân tại phòng khám
- 2.3. Tiếp đón bệnh nhân tại khoa điều trị
- 2.4. Chuyển bệnh nhân

2.5. Bệnh nhân xuất viện

Bài 7: Dấu hiệu sinh tồn

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến dấu hiệu sinh tồn
- 1.2. Trình bày mục đích, chỉ định của việc theo dõi dấu hiệu sinh tồn
- 1.3. Mô tả dụng cụ đo lường dấu hiệu sinh tồn
- 1.4. Lập quy trình chăm sóc khi có dấu hiệu sinh tồn bất thường
- 1.5. Rèn luyện ý thức thực hiện kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Mục đích
- 2.3. Chỉ định
- 2.4. Hướng dẫn thực hiện kỹ năng
 - 2.4.1. Theo dõi thân nhiệt
 - 2.4.1.1. Đại cương
 - 2.4.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt
 - 2.4.1.3. Phân loại nhiệt kế
 - 2.4.1.4. Phân loại sốt
 - 2.4.1.5. Ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể
 - 2.4.1.6. Quy trình chăm sóc
 - 2.4.2. Theo dõi mạch
 - 2.4.2.1. Đại cương
 - 2.4.2.2. Quy trình chăm sóc
 - 2.4.3. Theo dõi hô hấp
 - 2.4.3.1. Đại cương
 - 2.4.3.2. Yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp
 - 2.4.3.3. Nguyên tắc đếm nhịp thở
 - 2.4.3.4. Quy trình chăm sóc
 - 2.4.4. Theo dõi huyết áp
 - 2.4.4.1. Đại cương
 - 2.4.4.2. Phương pháp đo huyết áp
 - 2.4.4.3. Quy trình chăm sóc
 - 2.4.5. Đánh giá đau
 - 2.4.5.1. Đại cương
 - 2.4.5.2. Quy trình chăm sóc
 - 2.4.6. Cách lấy sinh hiệu

- 2.4.6.1. Mục đích
- 2.4.6.2. Chỉ định
- 2.4.6.3. Nhận định người bệnh
- 2.4.6.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4.6.5. Dụng cụ
- 2.4.6.6. Tiến trình kỹ thuật
- 2.4.6.7. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
- 2.4.6.8. Ghi hồ sơ
- 2.4.6.9. Những điểm cần lưu ý

Bài 8: Kỹ thuật rửa tay

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu chỉ định của 3 phương pháp rửa tay
- 1.2. Thực hiện đúng quy trình 3 kỹ thuật rửa tay
- 1.3. Ý thức được tầm quan trọng của việc rửa tay

2. Nội dung:

- 2.1. Rửa tay thường quy
 - 2.1.1. Chỉ định
 - 2.1.2. Dụng cụ
- 2.2. Rửa tay thủ thuật (Rửa tay nhanh ngoại khoa)
 - 2.2.1. Chỉ định
 - 2.2.2. Dụng cụ
 - 2.2.3. Lưu ý
- 2.3. Rửa tay phẫu thuật
 - 2.3.1. Chỉ định
 - 2.3.2. Dụng cụ
 - 2.3.3. Lưu ý

Bài 9: Kỹ thuật mang và tháo găng tay vô khuẩn

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được mục đích của việc mang găng tay vô khuẩn.
- 1.2. Thực hiện quy trình kỹ thuật mang găng tay vô khuẩn đúng và an toàn.
- 1.3. Thực hiện được động tác tháo găng tay an toàn.
- 1.4. Nhận thức được tầm quan trọng của việc mang găng tay vô khuẩn đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Dụng cụ

2.3. Những điểm cần lưu ý

Bài 10: Chăm sóc phòng ngừa loét

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và cơ chế gây loét
- 1.2. Nêu các yếu tố nguy cơ làm phát triển tình trạng loét do tì đè
- 1.3. Kể tên được 4 giai đoạn của loét do tì đè
- 1.4. Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lành vết loét
- 1.5. Nêu các yêu cầu chăm sóc người bệnh có nguy cơ hoặc bị loét do tì đè

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Loét do tì đè
- 2.3. Các yếu tố nguy cơ làm phát triển tình trạng loét do tì đè
- 2.4. Các giai đoạn phát triển của loét
- 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lành vết loét
- 2.6. Quy trình chăm sóc

Bài 11: Kỹ thuật chăm sóc ngừa loét do tì đè

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể các mục đích của việc chăm sóc và ngừa loét do tì đè
- 1.2. Nêu các biện pháp làm tăng tuần hoàn tại chỗ
- 1.3. Nêu các biện pháp quản lý chất tiết
- 1.4. Nêu các yêu cầu chăm sóc phòng ngừa loét do tì đè

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Dụng cụ
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 12: Nguyên tắc dùng thuốc

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc cho người bệnh
- 1.2. Liệt kê được các phương pháp dùng thuốc
- 1.3. Trình bày được nguyên tắc cơ bản trong việc cho thuốc

1.4. Kể được các tai biến khi dùng thuốc và xử trí

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

2.4. Các phương pháp dùng thuốc

2.5. Nội dung hộp thuốc cấp cứu chống sốc phản vệ

2.6. Phác đồ cấp cứu sốc phản vệ

2.7. Nhóm thuốc dễ gây dị ứng cần theo dõi sát khi tiêm thuốc

2.8. Tiêu chuẩn xác định mũi tên an toàn

Bài 13: Cho người bệnh dùng thuốc

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được mục đích của dùng thuốc cho người bệnh

1.2. Tiến hành được các kỹ thuật dùng thuốc qua đường uống, da, niêm mạc một cách an toàn và hiệu quả.

1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc tiến hành kỹ thuật dùng thuốc qua đường uống an toàn.

2. Nội dung:

2.1. Mục đích

2.2. Chỉ định

2.3. Nhận định người bệnh

2.4. Chuẩn bị người bệnh

2.5. Dọn dẹp dụng cụ

2.6. Ghi hồ sơ

2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 14: Kỹ thuật tiêm thuốc

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được mục đích của tiêm thuốc

1.2. Tiến hành được các đường tiêm một cách an toàn và hiệu quả

1.3. Kể được các tai biến do tiêm thuốc gây ra do từng đường tiêm

1.4. Tiến hành kỹ thuật có định kèm đúng cách

1.5. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện mũi tiêm an toàn

2. Nội dung:

2.1. Mục đích

2.2. Chỉ định

- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 15: Kỹ thuật tiêm truyền dung dịch

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 6 mục đích của tiêm truyền dung dịch
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật tiêm truyền dung dịch một cách an toàn và hiệu quả
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật tiêm truyền an toàn

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý
- 2.8. Công thức tính thời gian chảy của dịch truyền

Bài 16: Kỹ thuật truyền máu

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được 2 mục đích của truyền máu.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật truyền máu một cách an toàn và hiệu quả.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật truyền máu.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý
- 2.8. Cần lưu ý và theo dõi sát khi truyền máu

Bài 17: Kỹ thuật lấy máu để thử xét nghiệm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được 2 mục đích lấy máu gửi xét nghiệm
- 1.2. Nêu được 3 chỉ định lấy máu xét nghiệm
- 1.3. Tiến hành được kỹ thuật lấy máu đúng cách an toàn.
- 1.4. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật lấy máu đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Dụng cụ
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 18: Kỹ thuật lấy đàm, phân, mủ để thử xét nghiệm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được được mục đích của việc lấy đàm, phân, mủ.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật lấy mẫu thử nghiệm đúng cách.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật lấy mẫu thử chính xác.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.4. Ghi hồ sơ

Bài 19: Kỹ thuật lấy nước tiểu để thử xét nghiệm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được 3 mục đích của việc lấy nước tiểu để thử nghiệm.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật lấy nước tiểu thử nghiệm đúng cách.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật lấy nước tiểu xét nghiệm chính xác.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Dụng cụ
- 2.3. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.4. Ghi hồ sơ

Bài 20: Kỹ thuật thông tiểu thường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của thông tiểu.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật thông tiểu đúng cách và an toàn.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật thông tiểu đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định và chống chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 21: Kỹ thuật thông tiểu liên tục

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của thông tiểu liên tục.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật thông tiểu liên tục đúng cách và an toàn.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật thông tiểu liên tục đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định và chống chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 22: Kỹ thuật rửa bàng quang

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định của kỹ thuật rửa bàng quang.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật rửa bàng quang đúng cách và an toàn.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật rửa bàng quang đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh

- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 23: Kỹ thuật cho ăn bằng ống

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được mục đích và các chỉ định khi cho người bệnh ăn qua ống thông.
- 1.2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật cho ăn qua ống thông mũi – dạ dày.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc cho ăn qua ống thông mũi – dạ dày.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 24: Kỹ thuật hút dịch vị

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được định nghĩa của hút dịch vị.
- 1.2. Liệt kê được mục đích và chỉ định hút dịch vị.
- 1.3. Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc người bệnh hút dịch vị.
- 1.4. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật hút dịch vị đúng cách.
- 1.5. Kể các yếu tố quan trọng trong việc hút dịch vị đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Mục đích
- 2.3. Các phương pháp hút dịch dạ dày
- 2.4. Quy trình chăm sóc người bệnh hút dịch dạ dày
- 2.5. Những điều cần lưu ý và chăm sóc người bệnh khi hút dịch dạ dày
- 2.6. Kỹ thuật hút dạ dày

Bài 25: Kỹ thuật rửa dạ dày

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được định mục đích, chỉ định và chống chỉ định của việc rửa dạ dày

- 1.2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật rửa dạ dày đúng cách.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc rửa dạ dày đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Mục đích
- 2.3. Chỉ định và chống chỉ định
- 2.4. Dụng cụ và dung dịch rửa
- 2.5. Tư thế rửa dạ dày
- 2.6. Quy trình chăm sóc người bệnh rửa dạ dày
- 2.7. Can thiệp và chăm sóc
- 2.8. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.9. Ghi vào hồ sơ
- 2.10. Lưu ý

Bài 26: Kỹ thuật cho thở dưỡng khí

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích của thở dưỡng khí.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật thở oxy đúng cách và an toàn.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật thở oxy đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Nhận định người bệnh
- 2.3. Thở bằng ống
 - 2.3.1. Chỉ định
 - 2.3.2. Ghi hồ sơ
 - 2.3.3. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
 - 2.3.4. Lưu ý
- 2.4. Thở bằng mặt nạ
 - 2.4.1. Chỉ định
 - 2.4.2. Chống chỉ định
 - 2.4.3. Dụng cụ
 - 2.4.4. Ghi hồ sơ
 - 2.4.5. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
 - 2.4.6. Lưu ý

Bài 27: Kỹ thuật hút đàm nhớt

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được mục đích và các vị trí hút đàm nhớt.
- 1.2. Trình bày các yêu cầu nhận định người bệnh khi hút đàm.
- 1.3. Trình bày được các điểm cần lưu ý khi hút đàm.
- 1.4. Tiến hành được kỹ thuật hút đàm đúng cách và an toàn.
- 1.5. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật hút đàm nhớt đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Mục đích
- 2.3. Chỉ định
- 2.4. Nhận định người bệnh
- 2.5. Các phương pháp hút đàm
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 28: Kỹ thuật thay băng vết thương thường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được mục đích của thay băng vết thương thường.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật thay băng vết thương thường đúng cách và hiệu quả.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật thay băng vết thương thường.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh
- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 29: Kỹ thuật thụt tháo

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích của thụt tháo.
- 1.2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật thụt tháo đúng cách.
- 1.3. Kể được các yếu tố quan trọng trong kỹ thuật thụt tháo đúng cách.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Chỉ định và chống chỉ định
- 2.3. Nhận định người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị người bệnh

- 2.5. Dọn dẹp dụng cụ
- 2.6. Ghi hồ sơ
- 2.7. Những điểm cần lưu ý

Bài 30: Kỹ thuật chườm nóng – chườm lạnh

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được định nghĩa, chỉ định và chống chỉ định của từng của từng phương pháp chườm.
- 1.2. Tiến hành được kỹ thuật chườm đúng cách và an toàn.
- 1.3. Kể các yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kỹ thuật chườm đúng cách và an toàn.

2. Nội dung:

- 2.1. Chườm nóng khô
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Chỉ định và chống chỉ định
 - 2.1.3. Dụng cụ
 - 2.1.4. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
 - 2.1.5. Ghi hồ sơ
 - 2.1.6. Lưu ý
- 2.2. Chườm nóng ướt
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Chỉ định và chống chỉ định
 - 2.2.3. Dụng cụ
 - 2.2.4. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
 - 2.2.5. Ghi hồ sơ
 - 2.2.6. Lưu ý
- 2.3. Chườm lạnh
 - 2.3.1. Mục đích
 - 2.3.2. Chỉ định và chống chỉ định
 - 2.3.3. Dụng cụ
 - 2.3.4. Dọn dẹp và bảo quản dụng cụ
 - 2.3.5. Ghi hồ sơ
 - 2.3.6. Lưu ý

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thực hành Điều dưỡng.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình, dụng cụ).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc tiến hành kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, giúp người học chuẩn bị dụng cụ, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản theo đúng quy trình, rèn luyện tác phong khắt khe, tận tình với bệnh nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX_1 + KTTX_2 + (KTĐK_1 + KTĐK_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết (TLT):

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.

- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).
- + Thực hành:
- 01 điểm thi thực hành (TTH);
 - Hình thức: thực hành chạy trạm;
 - Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.
- + Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):
- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Kỹ thuật điều dưỡng được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ sở lý luận và những nguyên tắc chính để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Điều dưỡng cơ bản I (2007), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
2. Điều dưỡng cơ bản II (2007), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
3. Giáo trình môn học Kỹ thuật điều dưỡng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: BỆNH HỌC NỘI KHOA

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 59 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Vị trí:

Môn học Bệnh học nội khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II, sau môn học Dược lý.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức bệnh nội khoa và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện sớm bệnh nội khoa thông thường ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được các triệu chứng và hội chứng chính để phát hiện bệnh sớm và xử trí được những bệnh nội khoa thông thường ở tuyến y tế cơ sở, chuyển viện kịp thời những trường hợp vượt quá khả năng lên tuyến trên.
2. Tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân biết cách phòng bệnh và chữa bệnh.

- Về kỹ năng:

1. Tiến hành đúng cách hỏi bệnh, các thao tác khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện bệnh.
2. Làm được bệnh án nội khoa.
3. Theo dõi và ghi chép được các diễn biến của bệnh để tiên lượng và lựa chọn các chỉ định điều trị thích hợp.
4. Xử trí bước đầu ở tuyến y tế cơ sở một số bệnh nội khoa thường gặp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị bệnh nội khoa.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương I: Nội tổng hợp	04	04		
1	Cách làm bệnh án nội khoa	02	02		

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2	Khám và chẩn đoán sốt	02	02		
II	Chương II: Tuần hoàn	14	09	04	01
3	Thăm khám bộ máy tuần hoàn	06	02	04	
4	Bệnh suy tim	02	02		
5	Bệnh tăng huyết áp	02	02		
6	Bệnh van tim	02	01		01
7	Bệnh mạch vành	02	02		
III	Chương III: Hô hấp	11	07	04	
8	Thăm khám phổi	06	02	04	
9	Bệnh hen phế quản	01	01		
10	Bệnh viêm phế quản – Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02	02		
11	Bệnh viêm phổi	02	02		
IV	Chương IV: Tiêu hóa	15	11	04	
12	Thăm khám bụng	06	02	04	
13	Đau bụng cấp và mạn	01	01		
14	Rối loạn tiêu hoá: tiêu chảy, táo bón, nôn.	01	01		
15	Bệnh viêm, loét dạ dày - tá tràng	02	02		
16	Bệnh xuất huyết tiêu hóa	02	02		
17	Bệnh áp-xe gan	01	01		
18	Bệnh xơ gan	02	02		
V	Chương V: Thận- tiết niệu	09	07	02	
19	Khám thận và đường niệu, các triệu chứng bệnh tiết niệu	04	02	02	
20	Bệnh nhiễm trùng tiểu	02	02		
21	Bệnh viêm cầu thận, suy thận	03	03		
VI	Chương VI: Thần kinh	11	07	04	
22	Thăm khám bộ máy thần kinh	06	02	04	
23	Hội chứng hôn mê	02	02		
24	Tai biến mạch máu não	03	03		
VII	Chương VII: Nội tiết- khớp	05	05		
25	Thoái hoá khớp	02	02		
26	Bệnh Basedow	01	01		

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
27	Bệnh đái tháo đường	02	02		
VIII	Chương VIII: Cấp cứu nội khoa	21	09	11	01
28	Bệnh ngộ độc cấp	06	02	03	01
29	Phù phổi cấp	02	02		
30	Sốc phản vệ	06	02	04	
31	Ngạt nước, rấn cắn	01	01		
32	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	06	02	04	
Cộng		90	59	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Nội tổng hợp

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng làm được bệnh án nội khoa và chẩn đoán được bệnh nhân sốt

2. Nội dung:

Bệnh án nội khoa, khám chẩn đoán sốt

Bài 1: Cách làm bệnh án nội khoa

- Giải thích được ý nghĩa bệnh án nội khoa
- Thực hiện đúng các trình tự của một bệnh án nội khoa

Bài 2: Khám và chẩn đoán sốt

- Định nghĩa sốt
- Nguyên nhân và bệnh sinh của sốt
- Triệu chứng toàn thân và biến chứng của sốt
- Chẩn đoán xác định, chẩn đoán kiểu sốt.

Chương II: Tuần hoàn

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng:

- Trình bày các triệu chứng cơ năng, cách khám và các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy tuần hoàn.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh bộ máy tuần hoàn thường gặp

2. Nội dung:

Thăm khám bộ máy tuần hoàn

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa các bệnh van tim thường gặp, suy tim, tăng huyết áp, cơn đau thắt ngực.

Tên bài học:

Bài 3: Thăm khám bộ máy tuần hoàn

3.1. Hệ thống mạch máu:

- Trình bày cách khám các động mạch: cảnh, cánh tay, quay, trụ, đùi, khoeo, mu chân, chày sau.

- Trình bày cách khám tĩnh mạch cảnh.

- Nêu được ý nghĩa của việc khám động mạch và tĩnh mạch.

3.2. Khám tim:

- Trình bày được các bước khám tim: nhìn, sờ, gõ, nghe.

- Kể được tên các ổ van tim cần nghe và phân tích được tiếng tim.

- Nêu được ý nghĩa của việc khám tim.

Bài 4: Suy tim

- Định nghĩa suy tim.

- Nguyên nhân suy tim.

- Triệu chứng và các xét nghiệm cần có để chẩn đoán xác định suy tim.

- Diễn tiến, biến chứng, điều trị, dự phòng suy tim.

Bài 5: Bệnh tăng huyết áp

- Định nghĩa tăng huyết áp

- Phân độ tăng huyết áp theo WHO, JNC.

- Triệu chứng tăng huyết áp.

- Biến chứng, điều trị, dự phòng bệnh tăng huyết áp.

Bài 6: Bệnh van tim

- Định nghĩa bệnh van tim

- Phân loại bệnh lý van tim.

- Triệu chứng các bệnh lý van tim: hẹp/hở van 2 lá, hẹp/hở van 3 lá, hẹp/hở van động mạch chủ, hẹp/hở van động mạch phổi.

- Diễn tiến, biến chứng, điều trị các bệnh lý van tim: hẹp/hở van 2 lá, hẹp/hở van 3 lá, hẹp/hở van động mạch chủ, hẹp/hở van động mạch phổi.

Bài 7: Bệnh mạch vành

- Định nghĩa bệnh mạch vành

- Các đặc điểm của cơn đau thắt ngực trong bệnh mạch vành.

- Các thể lâm sàng của bệnh mạch vành.

- Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán xác định bệnh mạch vành.

- Xử trí ban đầu bệnh nhân có cơn đau thắt ngực.

Chương III: Hô hấp

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng:

- Trình bày các triệu chứng cơ năng, cách khám và các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy hô hấp.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh bộ máy hô hấp thường gặp.

2. Nội dung:

Thăm khám phổi

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân của các hội chứng lâm sàng trong bệnh hô hấp: hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch màng phổi, hội chứng tràn khí màng phổi.

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa bệnh: hen phế quản, viêm phế quản (cấp, mạn), bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, viêm phổi.

Tên bài học

Bài 8: Thăm khám phổi

- Mô tả được quy trình thăm khám phổi: Nhìn, sờ, gõ, nghe.
- Kể được các biểu hiện bình thường và bệnh lý khi khám phổi.
- Kể được các xét nghiệm cần làm trong bệnh hô hấp.
- Liệt kê triệu chứng của các hội chứng lâm sàng trong bệnh hô hấp: hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch màng phổi, hội chứng tràn khí màng phổi.

Bài 9: Bệnh hen phế quản

- Định nghĩa bệnh hen phế quản
- Triệu chứng cơn hen phế quản.
- Xử trí cơn hen phế quản.
- Dự phòng cơn hen phế quản.

Bài 10: Bệnh viêm phế quản – Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

- Định nghĩa viêm phế quản cấp, viêm phế quản mạn, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
- Nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, diễn tiến, biến chứng bệnh viêm phế quản cấp, viêm phế quản mạn, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
- Hướng điều trị và dự phòng bệnh viêm phế quản cấp, viêm phế quản mạn, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

Bài 11: Bệnh viêm phổi

- Định nghĩa viêm phổi
- Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi bệnh viêm phổi.
- Triệu chứng lâm sàng viêm phổi.
- Diễn tiến, biến chứng, dự phòng bệnh viêm phổi.

Chương IV: Tiêu Hóa

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng:

1. Trình bày các triệu chứng cơ năng, cách khám và các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy tiêu hóa.
2. Nêu triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, cách nhận định và xử trí các hội chứng của bộ máy tiêu hóa.
3. Trình bày triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh bộ máy tiêu hóa thường gặp.

2. Nội dung:

Thăm khám bộ máy tiêu hóa

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa các bệnh tiêu hóa thường gặp như: loét dạ dày - tá tràng; Xơ gan; Xuất huyết tiêu hóa.

Tên bài học

Bài 12: Thăm khám bụng

- Trình bày đúng trình tự khám bụng: nhìn, nghe, gõ, sờ.
- Biết cách phân khu vùng bụng và gọi tên đúng từng vùng.
- Trình bày được cách khám các dấu hiệu đặc biệt: dấu hiệu sóng vỗ, phản ứng dội.

Bài 13: Đau bụng cấp và mạn tính

- Phân biệt đau bụng cấp, đau bụng mạn.
- Nguyên nhân đau bụng cấp, đau bụng mạn.

Bài 14: Rối loạn tiêu hoá: tiêu chảy, táo bón, nôn.

- Khái niệm tiêu chảy, táo bón, nôn.
- Nguyên nhân, cách xử trí tiêu chảy, táo bón, nôn.

Bài 15: Bệnh viêm, loét dạ dày – tá tràng

- Định nghĩa bệnh viêm, loét dạ dày – tá tràng.
- Nguyên nhân bệnh viêm, loét dạ dày – tá tràng.
- Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm, loét dạ dày – tá tràng.
- Hướng xử trí, biến chứng, dự phòng bệnh viêm, loét dạ dày – tá tràng.

Bài 16: Bệnh xuất huyết tiêu hóa

- Định nghĩa, phân loại, nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa.
- Triệu chứng xuất huyết tiêu hóa trên, xuất huyết tiêu hóa dưới.
- Hội chứng thiếu máu cấp trên bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa.
- Đánh giá mức độ xuất huyết tiêu hóa.
- Biến chứng, xử trí, dự phòng xuất huyết tiêu hóa.

Bài 17: Bệnh áp-xe gan

- Định nghĩa, nguyên nhân, dạng lâm sàng bệnh áp-xe gan.

- Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh áp xe gan.
- Biến chứng, hướng xử trí, dự phòng bệnh áp-xe gan.

Bài 18: Bệnh xơ gan

- Định nghĩa, nguyên nhân bệnh xơ gan.
- Triệu chứng lâm sàng bệnh xơ gan: Hội chứng vàng da, HC cổ trướng.
- Đánh giá mức độ xơ gan theo bảng phân độ Child-Pugh.
- Diễn tiến, biến chứng, điều trị, dự phòng bệnh xơ gan.

Chương V: Thận - Tiết Niệu

Thời gian: 09 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng:

- Trình bày được cách khám thận, đường niệu và các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy tiết niệu.
- Nêu được định nghĩa các triệu chứng: tiểu đạm, tiểu máu, tiểu gắt, tiểu lắt nhắt, tiểu nhiều, tiểu ít, vô niệu.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh bộ máy tiết niệu thường gặp.

2. Nội dung:

Thăm khám thận và đường niệu.

Định nghĩa các triệu chứng lâm sàng: tiểu đạm, tiểu máu, tiểu mủ, tiểu dưỡng trấp, tiểu gắt, tiểu lắt nhắt, tiểu nhiều, tiểu ít, vô niệu.

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa bệnh nhiễm trùng tiểu, viêm cầu thận, suy thận.

Bài 19: Khám thận và đường niệu, các triệu chứng bệnh tiết niệu

- Trình bày đủ các thao tác khám thận và đường niệu.
- Trình bày được cách khám các dấu hiệu đặc biệt: Dấu rung thận, cầu bàng quang,
- Nêu được định nghĩa các triệu chứng lâm sàng: tiểu đạm, tiểu máu, tiểu mủ, tiểu dưỡng trấp, tiểu gắt, tiểu lắt nhắt, tiểu nhiều, tiểu ít, vô niệu.

Bài 20: Bệnh nhiễm trùng tiểu

- Định nghĩa nhiễm trùng tiểu.
- Nguyên nhân, phân loại nhiễm trùng tiểu.
- Triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chẩn đoán nhiễm trùng tiểu.
- Hướng điều trị, biến chứng, dự phòng nhiễm trùng tiểu.

Bài 21: Bệnh viêm cầu thận, suy thận.

- Định nghĩa bệnh viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn, suy thận cấp, suy thận mạn.
- Nguyên nhân, xét nghiệm chẩn đoán viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn, suy thận cấp, suy thận mạn.

- Hướng điều trị, biến chứng, dự phòng viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn, suy thận cấp, suy thận mạn.

Chương VI: Thần Kinh

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng

- Trình bày các triệu chứng cơ năng, cách khám và các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy thần kinh.
- Nêu triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, cách xử trí các hội chứng của bộ máy thần kinh.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh bộ máy thần kinh thường gặp.

2. Nội dung:

Thăm khám bộ máy thần kinh

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí hội chứng hôn mê, bệnh tai biến mạch máu não.

Bài 22: Thăm khám bộ máy thần kinh

- Trình bày được cách khám 12 đôi dây thần kinh sọ não.
- Trình bày cách khám vận động, phản xạ, cảm giác, hội chứng màng não.

Bài 23: Hội chứng hôn mê

- Định nghĩa, nguyên nhân hôn mê.
- Cách khám, chẩn đoán xác định nguyên nhân hôn mê.
- Xử trí người bệnh hôn mê.

Bài 24: Tai biến mạch máu não

- Định nghĩa tai biến mạch máu não.
- Nguyên nhân, phân loại tai biến mạch máu não.
- Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng tai biến mạch máu não.
- Hướng xử trí, dự phòng tai biến mạch máu não.

Chương VII: Nội tiết- khớp

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng: trình bày định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số bệnh nội tiết- khớp thường gặp.

2. Nội dung:

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí Bệnh đái tháo đường; Basedow; Hội chứng đau khớp gối, hội chứng đau thắt lưng

Bài 25: Thoái hóa khớp

- Định nghĩa thoái hóa khớp.
- Triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm để chẩn đoán thoái hóa khớp.
- Hướng điều trị thoái hóa khớp.

Bài 26: Bệnh Basedow

- Định nghĩa bệnh Basedow
- Bệnh sinh Basedow
- Triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm chẩn đoán xác định Basedow.

Bài 27: Bệnh đái tháo đường

- Định nghĩa bệnh đái tháo đường.
- Phân loại bệnh đái tháo đường
- Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh đái tháo đường.
- Nguyên tắc điều trị bệnh đái tháo đường typ 1, typ 2.

Chương VIII: Cấp cứu nội khoa

Thời gian: 21 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong, người học có khả năng: trình bày định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và phòng ngừa một số trường hợp cần cấp cứu nội khoa thường gặp.

2. Nội dung:

Triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân, tiến triển, biến chứng, cách xử trí Ngộ độc cấp; Phù phổi cấp; Sốc phản vệ; Ngừng tuần hoàn hô hấp; Rắn cắn, ngạt nước.

Bài 28: Bệnh ngộ độc cấp

- Trình bày nguyên nhân gây ngộ độc cấp.
- Triệu chứng lâm sàng và cách xử trí ban đầu người bệnh ngộ độc cấp.

Bài 29: Phù phổi cấp

- Định nghĩa phù phổi cấp
- Trình bày các nguyên nhân gây phù phổi cấp.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng và cách xử trí ban đầu người bệnh phù phổi cấp.

Bài 30: Sốc phản vệ

- Định nghĩa sốc phản vệ.
- Nguyên nhân gây sốc phản vệ.
- Trình bày được triệu chứng và cách xử trí cấp cứu người bệnh sốc phản vệ.

Bài 31: Ngạt nước, rắn cắn

- Trình bày được triệu chứng và cách xử trí ban đầu người bệnh ngạt nước.
- Trình bày được triệu chứng và cách xử trí ban đầu người bệnh rắn cắn.

Bài 32: Cấp cứu ngừng tuần hoàn- hô hấp

- Khái niệm ngừng tuần hoàn- hô hấp
- Nguyên nhân gây ngừng tuần hoàn, hô hấp
- Cách xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn, hô hấp.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, hội trường, phòng Thực hành lâm sàng nội - ngoại.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình cấp cứu, giường bệnh, ống nghe, máy đo huyết áp...)

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Bệnh học nội khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức bệnh nội khoa và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện sớm bệnh nội khoa thông thường ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bệnh học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 1 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học
3. Bệnh học nội khoa tập 2 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học
4. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.
5. Triệu chứng học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.
6. Giáo trình môn học Bệnh học nội khoa của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: BỆNH HỌC NGOẠI KHOA

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 59 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Bệnh học ngoại khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ III, sau môn học Dược lý.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức bệnh ngoại khoa và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện sớm bệnh ngoại khoa thông thường ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, tiến triển và biến chứng các bệnh ngoại khoa thường gặp.
2. Nêu được những nguyên tắc xử trí ban đầu cơ bản của các bệnh ngoại khoa thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

- Về kỹ năng:

1. Phát hiện sớm, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời gửi lên tuyến trên các trường hợp quá khả năng.
2. Tiến hành được cách tuyên truyền giáo dục dự phòng các nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp trong nhân dân, góp phần trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ ban đầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong khẩn trương, vô khuẩn, tận tình với người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương 1: Khám bụng ngoại khoa	12	02	09	01
1	Bệnh án ngoại khoa	04	02	01	01
2	Kỹ năng thăm khám bụng ngoại khoa	08		08	
II	Chương 2: Ngoại Tiêu Hóa – Gan mật	28	27		01

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Viêm phúc mạc	02	02		
4	Viêm ruột thừa cấp	02	02		
5	Viêm túi mật cấp	02	02		
6	Sỏi ống mật chủ	02	02		
7	Tắc ruột	02	02		
8	Lồng ruột ở trẻ còn bú	02	02		
9	Thủng loét dạ dày, tá tràng	02	02		
10	Hẹp môn vị	02	02		
11	Ung thư dạ dày	02	02		
12	Thoát vị bẹn	02	02		
13	Bệnh Trĩ	02	02		
14	Rò hậu môn	02	01		01
15	Chấn thương bụng kín	02	02		
16	Vết thương bụng	02	02		
III	Chương 3: Ngoại Thận – Tiết niệu	08	08		
17	Chấn thương Thận	02	02		
18	Sỏi đường tiết niệu	02	02		
19	Chấn thương niệu đạo	02	02		
20	Hẹp bao quy đầu Tràn dịch màng tinh hoàn	02	02		
IV	Chương 4: Ngoại Lồng ngực – Mạch máu	14	06	08	
21	Vết thương ngực	02	02		
22	Vết thương mạch máu	02	02		
23	Vết thương phần mềm	02	02		
24	Cố định gãy xương đòn Cố định gãy xương sườn	04		04	
25	Sơ cứu vết thương phần mềm Sơ cứu vết thương mạch máu	04		04	
V	Chương 5: Ngoại Chấn thương chỉnh hình	14	06	08	
26	Đại cương gãy xương	02	02		
27	Đại cương chấn thương dây chằng	02	02		
28	Đại cương trật khớp	02	02		
29	Cố định gãy kín xương cánh tay	04		04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Cố định gãy kín xương cẳng tay				
30	Cố định gãy kín xương đùi Cố định gãy kín xương cẳng chân	04		04	
VI	Chương 6: Ngoại Thần kinh	08	04	04	
31	Chấn thương sọ não kín	02	02		
32	Vết thương sọ não	02	02		
33	Sơ cứu chấn thương đầu Sơ cứu vết thương sọ não	04		04	
VII	Chương 7: Nhiễm khuẩn ngoại khoa	06	06		
34	Đại cương nhiễm khuẩn ngoại khoa	02	02		
35	Nhiễm khuẩn vết mổ	02	02		
36	Viêm mô tế bào	02	02		
Cộng		90	59	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Khám bụng ngoại khoa

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Ghi chép đúng, đầy đủ bệnh án ngoại khoa.
- 1.2. Trình bày được các bước thăm khám vùng bụng.
- 1.3. Tiến hành thăm khám và phát hiện được các bất thường vùng bụng.

2. Nội dung:

- 2.1. Bệnh án ngoại khoa
- 2.2. Kỹ năng thăm khám bụng ngoại khoa
- 2.3. Kỹ năng nhìn
- 2.4. Kỹ năng nghe
- 2.5. Kỹ năng gõ
- 2.6. Kỹ năng sờ

Chương II: Ngoại Tiêu Hóa – Gan mật

Thời gian: 28 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh ngoại Tiêu hóa – gan mật thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Viêm phúc mạc

- 2.2. Viêm ruột thừa cấp
- 2.3. Viêm túi mật cấp
- 2.4. Sỏi ống mật chủ
- 2.5. Tắc ruột
- 2.6. Lòng ruột ở trẻ còn bú
- 2.7. Thủng loét dạ dày, tá tràng
- 2.8. Hẹp môn vị
- 2.9. Ung thư dạ dày
- 2.10. Thoát vị bẹn
- 2.11. Bệnh trĩ
- 2.12. Rò hậu môn
- 2.13. Chấn thương bụng kín
- 2.14. Vết thương bụng kín

Chương III: Ngoại Thận - Tiết niệu

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh ngoại Thận – tiết niệu thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Chấn thương thận
- 2.2. Sỏi đường tiết niệu
- 2.3. Chấn thương niệu đạo
- 2.4. Hẹp bao quy đầu – Tràn dịch màng tinh hoàn

Chương IV: Ngoại Lòng ngực – mạch máu

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh ngoại lồng ngực – mạch máu thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Vết thương ngực
- 2.2. Vết thương mạch máu
- 2.3. Vết thương phần mềm
- 2.4. Cố định gãy xương đòn – Cố định gãy xương sườn
- 2.5. Sơ cứu vết thương phần mềm – Sơ cứu vết thương mạch máu

Chương V: Ngoại Chấn thương chỉnh hình

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh ngoại chấn thương chỉnh hình thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương gãy xương
- 2.2. Đại cương chấn thương dây chằng
- 2.3. Đại cương trật khớp
- 2.4. Cố định gãy kín xương cánh tay – Cố định gãy kín xương cẳng tay
- 2.5. Cố định gãy kín xương đùi – Cố định gãy kín xương cẳng chân

Chương VI: Ngoại Thần kinh

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong người học có khả năng trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh ngoại thần kinh thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Chấn thương sọ não kín
- 2.2. Vết thương sọ não
- 2.3. Sơ cứu chấn thương đầu – Sơ cứu vết thương sọ não

Chương VII: Đại cương nhiễm khuẩn ngoại khoa

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí đúng và kịp thời một số bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa thường gặp.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương nhiễm khuẩn ngoại khoa
- 2.2. Nhiễm khuẩn vết mổ
- 2.3. Viêm mô tế bào

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, phòng thực hành lâm sàng Nội - Ngoại.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình cấp cứu, giường bệnh, ống nghe, máy đo huyết áp...).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH) / 2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Bệnh học ngoại khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức bệnh ngoại khoa và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện sớm bệnh ngoại khoa thông thường ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Triệu chứng học ngoại khoa (2012), Đại học Y Dược Tp.HCM – NXB Y học

2. Bệnh học ngoại khoa (2012), Đại học Y Dược Tp.HCM – NXB Y học.

3. Bệnh học ngoại khoa (2016), Đại học Y Hà Nội – NXB Y học.

4. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.

5. Giáo trình môn học Bệnh học ngoại khoa của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: SỨC KHOẺ TRẺ EM

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 59 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Sức khỏe trẻ em là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II, sau môn học Bệnh học nội khoa.

- Tính chất:

Môn học cung cấp đặc điểm giải phẫu sinh lý, kiến thức về các bệnh thường gặp ở trẻ em và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện, xử trí sớm những bệnh trẻ em thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày đặc điểm giải phẫu sinh lý và sự phát triển cơ thể của trẻ em.
2. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng, điều trị, xử trí và biện pháp phòng các bệnh nội khoa thường gặp ở trẻ em.
3. Trình bày chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em khỏe mạnh và trẻ em bị bệnh.

- Về kỹ năng:

1. Lập sổ sức khỏe, theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ em.
2. Khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em, chuyển kịp thời những trường hợp nặng lên tuyến trên.
3. Nhận định và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu trẻ em
4. Tư vấn, tuyên truyền giáo dục về bảo vệ sức khỏe trẻ em.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thận trọng, tỉ mỉ, tận tình và thông cảm với người bệnh trong khi tiến hành thăm khám và điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương I: Đặc điểm và sự phát triển	11	07	04	
1	Sự phát triển cơ thể trẻ qua các thời kỳ	02	02		

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2	Đặc điểm giải phẫu – sinh lý trẻ em	02	02		
3	Sự phát triển thể chất tinh thần, vận động ở trẻ em	07	03	04	
II	Chương II: Dinh dưỡng và tiêm chủng	12	09	02	01
4	Dinh dưỡng ở trẻ em (bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn thêm)	03	01	02	
5	Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt ở trẻ em	02	02		
6	Còi xương do thiếu vitamin D	02	02		
7	Suy dinh dưỡng và béo phì ở trẻ em	03	02		01
8	Chương trình tiêm chủng mở rộng	02	02		
III	Chương III: Sơ sinh	11	07	04	
9	Đặc điểm trẻ em sơ sinh. Nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh	03	03		
10	Vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh	06	02	04	
11	Chăm sóc trẻ dị tật bẩm sinh	02	02		
IV	Chương IV: Bệnh lý hô hấp	07	07		
12	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp	02	02		
13	Hen	02	02		
14	Viêm phế quản, phổi	03	03		
V	Chương V: Bệnh lý tiêu hóa	05	05		
15	Tiêu chảy	03	03		
16	Bệnh giun ở trẻ em	02	02		
VI	Chương VI: Bệnh lý thần kinh	08	04	04	
17	Co giật	08	04	04	
VII	Chương VII: Bệnh lý thận - tiết niệu	05	05		
18	Nhiễm khuẩn tiết niệu	01	01		
19	Viêm cầu thận cấp hậu nhiễm liên cầu	02	02		
20	Hội chứng thận hư	02	02		
VIII	Chương VIII: Bệnh lý tim mạch	05	05		
21	Bệnh tim bẩm sinh và thấp tim	05	05		
IX	Chương IX: Xử trí lồng ghép và cấp cứu	26	10	15	01
22	Lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI)	16	08	07	01
23	Xử trí dị vật đường thở	05	01	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
24	Cấp cứu ngừng tuần hoàn- hô hấp	05	01	04	
Cộng		90	59	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đặc điểm và sự phát triển

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày đặc điểm giải phẫu sinh lý hệ da, cơ, xương và các hệ cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu.
- Trình bày đặc điểm sinh lý và bệnh lý của trẻ qua 6 thời kỳ của tuổi trẻ.
- Trình bày các chỉ số để đánh giá sự phát triển thể chất và các đặc điểm phát triển tinh thần, vận động ở trẻ em qua các thời kỳ.
- Thực hiện được các kỹ năng cân, đo đánh giá thể trạng trẻ

2. Nội dung:

Bài 1. Sự phát triển cơ thể trẻ qua các thời kỳ

1. Thời kỳ bào thai
2. Thời kỳ sơ sinh
3. Thời kỳ nhũ nhi
4. Thời kỳ răng sữa
5. Thời kỳ thiếu niên
6. Thời kỳ dậy thì

Bài 2. Đặc điểm giải phẫu – sinh lý trẻ em

1. Da trẻ em
2. Hệ cơ
3. Hệ xương
4. Hệ hô hấp
5. Đặc điểm tuần hoàn trẻ em
6. Đặc điểm hệ huyết học
7. Đặc điểm hệ tiêu hóa
8. Đặc điểm hệ tiết niệu

Bài 3. Sự phát triển thể chất tinh thần, vận động ở trẻ em

Phần 1: Sự tăng trưởng thể chất của trẻ em

- 1.1. Tăng trưởng cân nặng
- 1.2. Tăng trưởng chiều cao
- 1.3. Tăng trưởng vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng thể chất

Phần 2: Sự phát triển tâm thần vận động

Chương 2: Dinh dưỡng và tiêm chủng

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày về chế độ nuôi dưỡng trẻ qua các thời kỳ phát triển
- Trình bày vai trò của vitamin A, D và triệu chứng lâm sàng, cách phòng ngừa thiếu vitamin A, D.
- Xác định và đánh giá mức độ suy dinh dưỡng, béo phì của trẻ, tư vấn chế độ ăn hợp lý và lập biểu đồ theo dõi các chỉ số dinh dưỡng của trẻ định kỳ.

2. Nội dung:

Bài 4. Dinh dưỡng ở trẻ em (bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn thêm)

Phần 1: Nuôi con bằng sữa mẹ

- 1.1. Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ
- 1.2. Cách cho con bú
- 1.3. Bảo vệ nguồn sữa mẹ
- 1.4. Nuôi trẻ khi không có sữa mẹ

Phần 2: Ăn bổ sung

2. 1. Các loại thức ăn bổ sung
- 2.2. Chế độ ăn của trẻ từ 0-12 tháng
- 2.3. Nguyên tắc cho ăn bổ sung

Bài 5. Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt ở trẻ em

1. Nguồn cung cấp và vai trò của vitamin A trong cơ thể
2. Nguyên nhân gây bệnh khô mắt do thiếu vitamin A
3. Lâm sàng
4. Điều trị
5. Phòng bệnh

Bài 6. Còi xương do thiếu vitamin D

1. Nguồn cung cấp và vai trò của vitamin D trong cơ thể
2. Nguyên nhân gây bệnh còi xương do thiếu vitamin D
3. Lâm sàng
4. Nguyên tắc điều trị
5. Phòng bệnh

Bài 7. Suy dinh dưỡng và béo phì

Phần 1: Suy dinh dưỡng

- 1.1. Nguyên nhân
- 1.2. Lâm sàng

Phần 2: Béo phì

2.1. Nguyên nhân

2.2. Lâm sàng

Phần 3: Nguyên tắc xử trí

Bài 8. Chương trình tiêm chủng mở rộng

1. Mục tiêu và ý nghĩa của tiêm chủng

2. Lịch tiêm chủng do chương trình tiêm chủng mở rộng đề ra

3. Tai biến và phản ứng phụ có thể xảy ra sau tiêm chủng

Chương 3: Sơ sinh

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày đặc điểm trẻ sơ sinh.

- Trình bày được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ và lâm sàng của nhiễm khuẩn sơ sinh.

- Trình bày được nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng và điều trị vàng da sơ sinh.

- Trình bày triệu chứng các dạng dị tật bẩm sinh và hướng xử trí.

2. Nội dung:

Bài 9. Đặc điểm trẻ em sơ sinh- Nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh

Phần 1: Đặc điểm trẻ sơ sinh

Phần 2: Nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh

Nhiễm khuẩn tại chỗ

Nhiễm khuẩn nặng

Nguyên tắc xử trí

Bài 10. Vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh

1. Định nghĩa

2. Chuyển hóa của bilirubin

3. Nguyên nhân vàng da của trẻ sơ sinh

4. Lâm sàng

5. Biến chứng

6. Điều trị

Bài 11. Chăm sóc trẻ bị các dị tật bẩm sinh

1. Đại cương

2. Những dị tật hậu môn, trực tràng

3. Teo thực quản

4. Tắc ruột sơ sinh

5. Tật sức môi, hở hàm ếch

Chương 4: Bệnh lý hô hấp

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Đánh giá và phân loại trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp, hen, viêm phế quản phổi.
- Trình bày các nguyên nhân, cách chẩn đoán và điều trị

2. Nội dung:

Bài 12. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Điều trị
5. Hướng dẫn bà mẹ chăm sóc trẻ tại nhà

Bài 13. Hen

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân- yếu tố khởi phát
3. Triệu chứng
4. Xử trí
5. Phòng bệnh

Bài 14. Viêm phế quản, phổi

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Lâm sàng
4. Cận lâm sàng
5. Biến chứng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị
8. Phòng bệnh

Chương 5: Bệnh lý tiêu hóa

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Đánh giá, phân loại, xử trí và hướng dẫn chăm sóc trẻ tiêu chảy theo phác đồ A,B,C và cách phòng bệnh tiêu chảy
- Trình bày đặc điểm tác nhân và triệu chứng lâm sàng trẻ nhiễm giun, điều trị và hướng dẫn phòng bệnh nhiễm giun ở trẻ.

2. Nội dung:

Bài 15. Tiêu chảy

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân- Yếu tố nguy cơ
3. Lâm sàng

4. Điều trị
5. Phòng bệnh

Bài 16. Bệnh giun ở trẻ em

1. Bệnh nhiễm giun đũa
2. Bệnh nhiễm giun kim
3. Bệnh nhiễm giun móc
4. Phòng bệnh chung

Chương 6: Bệnh lý thần kinh

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được các nguyên nhân gây co giật ở trẻ
- Trình bày đặc điểm lâm sàng co giật đơn giản và phức tạp
- Xử trí cắt cơn co giật và định hướng nhóm nguyên nhân co giật của trẻ

2. Nội dung:

Bài 17. Co giật ở trẻ

1. Khái niệm
2. Nguyên nhân
3. Lâm sàng
4. Cận lâm sàng
5. Xử trí

Chương 7: Bệnh lý thận tiết niệu

Thời gian: 05 tiết

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các trường hợp nhiễm khuẩn tiết niệu, viêm cầu thận cấp hậu nhiễm liên cầu và hội chứng thận hư ở trẻ em.
- Trình bày diễn tiến, biến chứng và nguyên tắc điều trị các bệnh lý trên.

2. Nội dung:

Bài 18. Nhiễm khuẩn tiết niệu

1. Định nghĩa- phân loại
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng
4. Nguyên tắc điều trị

Bài 19. Viêm cầu thận cấp hậu nhiễm liên cầu

1. Dịch tễ học
2. Lâm sàng
3. Cận lâm sàng
4. Điều trị

5. Diễn tiến-tiên lượng

6. Phòng bệnh

Bài 20. Hội chứng thận hư

1. Khái niệm về hội chứng thận hư

2. Nguyên nhân

3. Lâm sàng

4. Cận lâm sàng

5. Chẩn đoán

6. Biến chứng

7. Điều trị

8. Diễn tiến-tiên lượng

Chương 8: Bệnh lý tim mạch

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân, phân loại bệnh lý tim bẩm sinh.
- Trình bày đặc điểm lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán thấp tim.
- Trình bày nguyên tắc điều trị, dự phòng và hướng dẫn bà mẹ chăm sóc trẻ

2. Nội dung:

Bài 21. Bệnh lý tim bẩm sinh và thấp tim

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Phân loại

4. Lâm sàng

5. Chẩn đoán

6. Diễn tiến-tiên lượng

7. Nguyên tắc điều trị

8. Phòng bệnh

Chương 9: Xử trí lồng ghép và cấp cứu

Thời gian: 26 giờ

1. Mục tiêu:

- Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí được trẻ bệnh dưới 5 tuổi
- Tư vấn cho bà mẹ có trẻ bệnh dưới 5 tuổi về cách theo dõi và chăm sóc tại nhà
- Trình bày và thực hiện các bước cấp cứu trẻ ngừng tuần hoàn- hô hấp.
- Trình bày và thực hiện các bước cấp cứu dị vật đường thở cho trẻ.

2. Nội dung:

Bài 22. Lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI)

1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của chiến lược xử trí lồng ghép

2. Đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng- 5 tuổi

3. Đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh dưới 2 tháng tuổi

Bài 23. Xử trí dị vật đường thở

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Xử trí

2.2.5. Biện pháp phòng tránh

Bài 24. Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên nhân

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Xử trí

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, phòng thực hành lâm sàng Nội - Ngoại.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình cấp cứu, giường bệnh, ống nghe, máy đo huyết áp...)

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;

- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.
- + Kiểm tra định kỳ:
- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
 - Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
 - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
- Công thức: $TBKT = [ĐKTTX_1 + ĐKTTX_2 + (ĐKTĐK_1 + ĐKTĐK_2) \times 2]/6$
 - Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.
- Thi kết thúc môn học:**
- + Điều kiện:
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
 - TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + Lý thuyết:
- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
 - Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
 - Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).
- + Thực hành:
- 01 điểm thi thực hành (TTH);
 - Hình thức: thực hành chạy trạm;
 - Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.
- + Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):
- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$
- Điểm môn học (MH):**
- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Sức khỏe trẻ em được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp đặc điểm giải phẫu sinh lý, kiến thức về các bệnh thường gặp ở trẻ em và kỹ năng khám bệnh có trình tự và đúng phương pháp để phát hiện, xử trí sớm những bệnh trẻ em thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2012), *Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em*, Hà Nội.
3. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.
4. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn bảo quản vaccin*, Hà Nội.
5. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2011), *Bài giảng nhi khoa*, NXB Y học.
6. Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2015), *Giáo trình nhi khoa*, TP. HCM
7. WHO (2014), *Integrated management of childhood illness*
8. Giáo trình môn học Sức khỏe trẻ em của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: SỨC KHOẺ SINH SẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Sức khỏe sinh sản là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ III, sau môn học Dược lý.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Sức khỏe sinh sản và giáo dục sức khỏe về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để xử trí được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày những kiến thức cơ bản về Sức khỏe sinh sản.
2. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, tiên triển và biến chứng một số bệnh thường gặp trong Sản - Phụ khoa.

- Về kỹ năng:

1. Khám và chẩn đoán xác định có thai nghén.
2. Tiến hành một cuộc đẻ thường (ngôi chỏm) đúng qui trình tại trạm y tế.
3. Phát hiện và quản lý được số thai phụ có nguy cơ để gọi lên tuyến trên đúng, kịp thời an toàn.
4. Khám phụ khoa đúng phương pháp để phát hiện sớm và điều trị được một số bệnh phụ khoa thông thường tại cơ sở.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Tôn trọng, thông cảm và tận tình chăm sóc sức khỏe phụ nữ và sản phụ.
2. Vận dụng kiến thức để giáo dục sức khỏe, huy động toàn dân chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em (coi trọng đối tượng nữ, kể cả nhà trường phổ thông, nhà trẻ...).
3. Thực hiện giáo dục sức khỏe về Dân số – Kế hoạch hóa gia đình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương I: Sản thường	11	11		
1	Đại cương sức khỏe sinh sản	01	01		
2	Giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nữ	01	01		
3	Thai nhi và phân phụ đủ tháng	01	01		
4	Chẩn đoán thai nghén và quản lý thai nghén	01	01		
5	Chẩn đoán ngôi thể, kiểu thể, độ lọt của thai	01	01		
6	Ngôi chỏm (Chẩn đoán, cơ chế đẻ) – Ngôi ngược, ngôi ngang, ngôi mặt	01	01		
7	Dấu hiệu chuyển dạ, cách theo dõi và chăm sóc thai phụ	01	01		
8	Thai suy, ngạt sơ sinh	01	01		
9	Theo dõi, CS sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ	01	01		
II	Chương II: Đẻ khó & Sản bệnh	08	07		01
10	Đại cương đẻ khó	02	01		01
11	Chấn thương đường sinh dục do đẻ	01	01		
12	Sảy thai Thai chết lưu	01	01		
13	Chửa ngoài tử cung Chửa trứng	02	02		
14	Rau tiền đạo Rau bong non	02	02		
III	Chương III: Tai biến sản khoa	06	06		
15	Nhiễm độc thai nghén	01	01		
16	Sản giật	01	01		
17	Vỡ tử cung	01	01		
18	Chảy máu sau đẻ Nhiễm trùng sau đẻ	02	02		
19	Uốn ván rốn sơ sinh	01	01		
IV	Chương IV: Phụ khoa	15	15		
20	Cách khám phụ khoa	01	01		
21	Vệ sinh kinh nguyệt Rối loạn kinh nguyệt	02	02		
22	Các bệnh phụ khoa thường gặp	01	01		

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
23	U xơ tử cung U nang buồng trứng	02	02		
24	Ung thư cổ tử cung Ung thư vú	02	02		
25	Sức khỏe sinh sản vị thành niên Các bệnh truyền qua đường tình dục	02	02		
26	Đại cương vô sinh	01	01		
27	Lập kế hoạch, quản lý và phân phối các phương tiện tránh thai	01	01		
28	Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về Dân số – Kế hoạch hóa gia đình	01	01		
29	Các biện pháp tránh thai Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	02	02		
V	Chương V: Thực hành	30		29	01
30	Giải phẫu sinh lý sinh dục nữ, đo khung chậu ngoài	04		03	01
31	Lập phiếu theo dõi sức khỏe tại nhà và thử protein nước tiểu	04		04	
32	Chẩn đoán ngôi thế, kiểu thế, độ lọt trên mô hình	02		02	
33	Cơ chế đẻ, kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm	04		04	
34	Chăm sóc sơ sinh sau đẻ	02		02	
35	Cấp cứu ngạt sơ sinh	02		02	
36	Cất tầng sinh môn	04		04	
37	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	04		04	
38	Các biện pháp tránh thai	04		04	
Cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết môn học

Chương I: Sản thường

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

Sau hi học xong người học có khả năng:

- 1.1. Nhắc lại giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nữ;
- 1.2. Trình bày cách khám, dấu hiệu chẩn đoán, chăm sóc và quản lý thai phụ trong quá trình thai nghén;

- 1.3. Trình bày cách chẩn đoán ngôi thể, kiểu thể, độ lọt của thai, phân loại, chẩn đoán và cơ chế đẻ ngôi chỏm;
- 1.4. Mô tả dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi và chăm sóc sản phụ khi chuyển dạ;
- 1.5. Theo dõi, chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ;
- 1.6. Trình bày dấu hiệu suy thai và cách hồi sức thai ngạt.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương sức khỏe sinh sản;
- 2.2. Giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nữ;
- 2.3. Thai nhi và phần phụ đủ tháng;
- 2.4. Chẩn đoán thai nghén và quản lý thai nghén;
- 2.5. Chẩn đoán ngôi thể, kiểu thể, độ lọt của thai;
- 2.6. Ngôi chỏm (Chẩn đoán, cơ chế đẻ) – Ngôi ngược, ngôi ngang, ngôi mặt;
- 2.7. Dấu hiệu chuyển dạ, cách theo dõi và chăm sóc thai phụ;
- 2.8. Thai suy, ngạt sơ sinh;
- 2.9. Theo dõi, CS sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ.

Chương II: Đẻ khó & Sản bệnh

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng:

- 1.1. Trình bày đại cương về đẻ khó;
- 1.2. Trình bày chấn thương đường sinh dục do đẻ.;
- 1.3. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, các hình thái, hướng xử trí và phòng ngừa sảy thai, thai chết lưu, thai ngoài tử cung, nhau tiền đạo, nhau bong non.

2. Nội dung:

- 2.2. Đại cương đẻ khó;
- 2.3. Chấn thương đường sinh dục do đẻ;
- 2.4. Sảy thai – Thai chết lưu;
- 2.5. Chửa ngoài tử cung – Chửa trứng;
- 2.6. Rau tiền đạo – Rau bong non.

Chương III: 5 Tai biến sản khoa

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

Sau hi học xong người học có khả năng: Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, các thể lâm sàng, tiến triển, biến chứng, xử trí và phòng bệnh Võ tử cung, Nhiễm độc thai nghén, sản giật, Uốn ván rốn, Nhiễm trùng sau đẻ, Chảy máu sau đẻ.

2. Nội dung:

- 2.1. Nhiễm độc thai nghén;

- 2.2. Sản giật;
- 2.3. Vỡ tử cung;
- 2.4. Chảy máu sau đẻ - Nhiễm trùng sau đẻ;
- 2.5. Uốn ván rốn sơ sinh.

Chương IV: Phụ khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau hi học xong người học có khả năng:

- 1.1. Trình bày cách khám phụ khoa;
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, cách xử trí các bệnh phụ khoa thường gặp; rối loạn kinh nguyệt; ung thư cổ tử cung, ung thư vú;
- 1.3. Nêu cách vệ sinh kinh nguyệt.

2. Nội dung:

- 2.1. Các khám phụ khoa;
- 2.2. Vệ sinh kinh nguyệt – Rối loạn kinh nguyệt;
- 2.3. Các bệnh phụ khoa thường gặp;
- 2.4. U xơ tử cung – U nang buồng trứng;
- 2.5. U thư cổ tử cung – Ung thư vú;
- 2.6. Sức khỏe sinh sản vị thành niên;
- 2.7. Các bệnh truyền qua đường tình dục;
- 2.8. Đại cương vô sinh;
- 2.9. Lập kế hoạch, quản lý và phân phối các phương tiện tránh thai;
- 2.10. Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về Dân số – Kế hoạch hóa gia đình;
- 2.11. Các biện pháp tránh thai – Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

Chương V: Thực hành

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

Sau hi học xong người học có khả năng:

- 1.1. Đo các đường kính khung xương chậu;
- 1.2. Xác định ngôi, kiểu thế thai, xác định độ lọt của thai trên mô hình;
- 1.3. Thực hành kỹ thuật chuẩn bị đỡ đẻ và kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm;
- 1.4. Vệ sinh thân thể sơ sinh;
- 1.5. Lấy mẫu nước tiểu thai phụ, thử nước tiểu bằng phương pháp đơn giản (nhiệt, a xít);
- 1.6. Phương pháp test nhanh.

2. Nội dung:

- 2.1. Hướng dẫn ứng dụng đo trên người (người học đo cho nhau);
- 2.2. Mô tả trên mô hình cấu tạo bộ phận sinh dục nữ;

- 2.3. Vẽ và chỉ trên tranh các loại kiểu thể ngôi chỏm;
- 2.4. Trên mô hình thai nhi, thực tập cấu tạo hộp sọ, đường kính chu vi vòng đầu;
- 2.5. Thực tập kỹ thuật trên mô hình;
- 2.6. Chuẩn bị bộ dụng cụ đỡ đẻ;
- 2.7. Đỡ đẻ ngôi chỏm kiểu trước, kiểu sau, tập đỡ rau;
- 2.8. Tắm trẻ.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng học lý thuyết, phòng thực hành lâm sàng Sản phụ khoa.

2. Trang thiết bị:

Máy chiếu, máy tính cá nhân

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình cấp cứu, giường bệnh, ống nghe, máy đo huyết áp...)

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$

- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Sức khỏe sinh sản được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ bản về Sức khỏe sinh sản và giáo dục sức khỏe về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để xử trí được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Sản – Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
2. Bệnh học sản, Trường đại học Y Hà Nội.
3. Sản phụ khoa, Đại học Y – Dược TP. Hồ Chí Minh.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện, Bộ Y tế, NXB Y học.
5. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Bộ Y tế
6. Chăm sóc sức khỏe sinh sản – Tài liệu dùng cho Cán bộ Y tế cơ sở. Ủy ban Quốc gia Dân số, Gia đình và Trẻ em.

7. Giáo trình môn học Sức khỏe sinh sản của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: BỆNH TRUYỀN NHIỄM - XÃ HỘI

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Bệnh truyền nhiễm - xã hội là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ III, sau môn học Sức khỏe trẻ em.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm - xã hội thường gặp để xử trí và phòng chống lây lan một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, tiến triển, biến chứng các bệnh truyền nhiễm thường gặp hoặc nguy hiểm.
2. Trình bày cách xử trí, điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.
3. Trình bày các biện pháp phòng bệnh hiệu quả cho các bệnh truyền nhiễm.

- Về kỹ năng:

1. Chẩn đoán được các bệnh truyền nhiễm thường gặp thể thông thường.
2. Hướng dẫn cách ly và điều trị toàn diện tại cơ sở y tế và tại nhà. Chuyển lên tuyến trên đúng và kịp thời.
3. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà của họ về phòng bệnh, chống lây lan, chữa bệnh tích cực

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng tác phong khoa học, khẩn trương, thận trọng, chính xác, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn ở địa phương.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
I	Chương I: Những vấn đề chung	05	05	
1	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	02	02	
2	Hội chứng nhiễm trùng và sốc nhiễm trùng	03	03	
II	Chương II: Bệnh lây theo đường tiêu hóa	12	12	
3	Bệnh tay chân miệng	02	02	

4	Thương hàn	02	02	
5	Tả	01	01	
6	Lỵ trực khuẩn, amíp	02	02	
7	Viêm gan do virus	02	02	
8	Bại liệt	01	01	
9	Bệnh giun, sán	02	02	
III	Chương III: Bệnh lây theo đường hô hấp	12	11	01
10	Bạch hầu- ho gà	03	02	01
11	Viêm màng não mủ	02	02	
12	Thủy đậu	02	02	
13	Bệnh cúm	02	02	
14	Quai bị	01	01	
15	Sởi	02	02	
IV	Chương IV: Bệnh lây theo đường máu	07	07	
16	Viêm não Nhật Bản B	01	01	
17	Sốt xuất huyết	02	02	
18	Sốt rét	02	02	
19	Nhiễm HIV/AIDS	02	02	
V	Chương V: Bệnh lây qua da – niêm mạc	04	04	
20	Uốn ván, dại	02	02	
21	Phong	02	02	
Cộng		40	39	01

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Những vấn đề chung

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày các đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và các loại bệnh truyền nhiễm
- Kể những cơ sở chẩn đoán của bệnh truyền nhiễm và phương pháp điều trị của bệnh truyền nhiễm.
- Định nghĩa nhiễm trùng huyết và sốc nhiễm trùng, trình bày những nguyên tắc trong điều trị nhiễm trùng và sốc nhiễm trùng.

2. Nội dung:

Bài 1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm

1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học
2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu
3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

4. Phân loại bệnh truyền nhiễm
5. Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm
6. Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm

Bài 2. Hội chứng nhiễm trùng và sốc nhiễm trùng

1. Hội chứng nhiễm trùng
2. Nhiễm trùng huyết
3. Sốc nhiễm trùng
4. Những nguyên tắc chung trong điều trị nhiễm trùng và sốc nhiễm trùng

Chương II: Bệnh lây theo đường tiêu hóa

Thời gian: 12 tiết

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân và đặc điểm dịch tễ học của các bệnh lây lan qua đường tiêu hóa
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kể các biến chứng của các bệnh lây lan qua đường tiêu hóa.
- Trình bày nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa các bệnh lây qua đường tiêu hóa

2. Nội dung:

Bài 3. Bệnh tay chân miệng

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Cận lâm sàng
5. Biến chứng
6. Điều trị
7. Phòng ngừa

Bài 4. Thương hàn

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Cận lâm sàng
5. Biến chứng
6. Điều trị
7. Phòng bệnh

Bài 5. Tả

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Biến chứng

5. Điều trị

6. Phòng bệnh

Bài 6. Ly trực khuẩn, amip

1. Ly trực khuẩn

2. Amip

Bài 7. Viêm gan do virus

1. Đại cương về viêm gan virus

2. Lâm sàng và diễn tiến bệnh của các loại viêm gan virus thường gặp

3. Cận lâm sàng

4. Nguyên tắc điều trị

5. Phòng bệnh

Bài 8. Bại liệt

1. Định nghĩa

2. Dịch tễ học

3. Lâm sàng

4. Nguyên tắc điều trị

5. Phòng bệnh

Bài 9. Bệnh giun, sán

1. Bệnh nhiễm giun đũa

2. Bệnh nhiễm giun kim

3. Bệnh nhiễm giun móc

4. Bệnh nhiễm sán lá gan

5. Bệnh nhiễm sán dải bò

Chương III: Bệnh lây theo đường hô hấp

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân và đặc điểm dịch tễ học của các bệnh lây lan qua đường hô hấp
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kể các biến chứng của các bệnh lây lan qua đường hô hấp.
- Trình bày nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa các bệnh lây qua đường hô hấp.

2. Nội dung:

Bài 10. Bạch hầu- ho gà

1. Bạch hầu

2. Ho gà

Bài 11. Viêm màng não mủ

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Dịch tễ học
4. Lâm sàng
5. Cận lâm sàng
6. Nguyên tắc xử trí
7. Phòng bệnh

Bài 12. Thủy đậu

1. Đại cương
2. Tác nhân gây bệnh
3. Dịch tễ học
4. Lâm sàng
5. Biến chứng
6. Điều trị
7. Phòng ngừa

Bài 13. Bệnh cúm

1. Định nghĩa
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng thể điển hình
4. Biến chứng
5. Điều trị
6. Phòng ngừa

Bài 14. Quai bị

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Chẩn đoán phân biệt
5. Điều trị
6. Phòng ngừa

Bài 15. Sởi

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng thể điển hình
4. Biến chứng
5. Chẩn đoán phân biệt
6. Điều trị
7. Phòng ngừa

Chương IV: Bệnh lây theo đường máu

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân và đặc điểm dịch tễ học của các bệnh lây lan qua đường máu.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kể các biến chứng của các bệnh lây lan qua đường máu.
- Trình bày nguyên tắc điều trị biện pháp phòng ngừa các bệnh lây qua đường máu.

2. Nội dung:

Bài 16. Viêm não Nhật Bản B

1. Định nghĩa
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Cận lâm sàng
5. Điều trị
6. Phòng bệnh

Bài 17. Sốt xuất huyết

1. Đại cương
2. Tác nhân truyền bệnh
3. Chẩn đoán
4. Điều trị
5. Phòng bệnh

Bài 18. Sốt rét

1. Đại cương
2. Tác nhân gây bệnh
3. Dịch tễ học
4. Lâm sàng
5. Biến chứng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị
8. Phòng chống sốt rét

Bài 19. Nhiễm HIV/AIDS

1. HIV và AIDS
2. Tình hình nhiễm HIV/AIDS trên thế giới và Việt Nam
3. Các giai đoạn phát triển tự nhiên của nhiễm HIV
4. Các phương thức lây truyền HIV
5. Các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV

Chương V: Bệnh lây qua da- niêm mạc

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân và đặc điểm dịch tễ học của các bệnh lây lan qua da- niêm mạc.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kể các biến chứng của các bệnh lây lan qua da-niêm mạc.
- Trình bày nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa các bệnh lây qua da-niêm mạc.

2. Nội dung:

Bài 20. Uốn ván, dại

1. Uốn ván
2. Dại

Bài 21. Phong

1. Đại cương
2. Dịch tễ học
3. Lâm sàng
4. Nguyên tắc điều trị
5. Phòng bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;

- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Kiểm tra định kỳ:
- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
 - Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
 - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
 - Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

- + Điều kiện:
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
 - $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);
- + Thời gian: từ 60 đến 120 phút;
- + Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Bệnh truyền nhiễm - xã hội được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm - xã hội thường gặp để xử trí và phòng chống lây lan một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn bảo quản vaccin*, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn chẩn đoán điều trị sốt xuất huyết Dengue*, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2012), *Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh tay-chân-miệng*, Hà Nội.
4. Bộ Y tế (2015), *Tài liệu đào tạo HIV/ AIDS*, Hà Nội.
5. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2008), *Bệnh học truyền nhiễm*, TP. HCM
6. Giáo trình môn học Bệnh truyền nhiễm – xã hội của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: Y TẾ CỘNG ĐỒNG

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Y tế cộng đồng là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau các môn học Bệnh học nội khoa, Bệnh học ngoại khoa, Sức khỏe trẻ em, Sức khỏe sinh sản và Bệnh truyền nhiễm - xã hội.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày khái niệm về cộng đồng, chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
2. Trình bày quy trình cộng đồng và áp dụng quy trình để lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Về kỹ năng:

1. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.
2. Thực hiện chăm sóc sức khỏe tại gia đình và cộng đồng
3. Đánh giá.
4. Tư vấn sức khỏe tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Tích cực chăm sóc sức khỏe cho mọi người tại cộng đồng.
2. Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện bệnh, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
I	Chương I: Khái niệm về cộng đồng, lượng giá và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	07	07	
1	Khái niệm về cộng đồng	03	03	
2	Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc	04	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	sức khoẻ cho cụm dân cư			
II	Chương II: Quy trình cộng đồng, thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình, quản lý sức khỏe tại trạm y tế	13	12	01
3	Quy trình cộng đồng	04	04	
4	Thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình	04	04	
5	Quản lý sức khỏe tại trạm y tế	05	04	01
Cộng		20	19	01

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Khái niệm về cộng đồng, lượng giá và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng lập được 1 kế hoạch can thiệp cộng đồng. Tiến hành các bước của việc đánh giá.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về cộng đồng

2.2.: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cụm dân cư

2.2.1. Khái niệm về cộng đồng

2.2.2. Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cụm dân cư

Chương 2: Quy trình cộng đồng, thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình, quản lý sức khỏe tại trạm y tế

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng

2.1. Thực hiện được các quy trình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

2.2. Thực hiện các bước của tư vấn sức khỏe tại gia đình.

2.3. Lập được các kế hoạch chăm sóc tại hộ gia đình

2. Nội dung:

2.1. Quy trình cộng đồng

2.2. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình

2.3. Quản lý sức khỏe tại trạm y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách tiếp xúc và chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Y tế cộng đồng được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Y tế cộng đồng (2008), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
2. Sổ tay cộng đồng và sức khỏe gia đình (2006), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
3. Điều dưỡng cộng đồng (2006), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
4. Giáo trình môn học Y tế cộng đồng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Y học cổ truyền là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau các môn học Bệnh học nội khoa và Bệnh học ngoại khoa.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt và dưỡng sinh để chẩn đoán, điều trị bệnh bằng Y học cổ truyền.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày các kiến thức cơ bản cần thiết cho việc chẩn đoán các bệnh theo y học cổ truyền và cho việc sử dụng thuốc nam, châm cứu.
2. Nêu được những nguyên tắc chữa bệnh theo y học cổ truyền dân tộc.
3. Trình bày những triệu chứng, chẩn đoán, pháp điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh Nội - Nhi, Ngoại, sản phụ khoa thường gặp bằng Y học cổ truyền.

- Về kỹ năng:

1. Điều trị được những chứng bệnh thông thường bằng y học cổ truyền dân tộc tại tuyến y tế cơ sở, dùng thuốc nam, châm cứu, xoa bóp, luyện dưỡng sinh.
2. Tham gia, tổ chức và quản lý tốt cơ sở điều trị bằng y học dân tộc của tuyến y tế cơ sở.
3. Sử dụng thành thạo các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc như châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh để giải quyết những chứng bệnh thông thường, phục hồi và nâng cao sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thông cảm với những đau đớn và lo lắng của người bệnh.
2. Thận trọng trong chẩn đoán và chữa bệnh, tự giác thực hiện đúng các qui định chuyên môn và nguyên tắc chữa bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Chương 1: Học thuyết âm dương – ngũ hành	06	05		01
1	Học thuyết âm dương – Ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền	02	02		
2	Nguyên nhân gây bệnh	01	01		
3	Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền	03	02		01
II	Chương 2: Phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc	36	10	25	01
4	Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu	10	02	08	
5	Huyệt và cách xác định 60 huyệt thường dùng, công thức điều trị	10	02	07	01
6	Xoa bóp, bấm huyệt các thủ thuật về xoa bóp, xoa bóp chữa 1 số bệnh thông thường	08	02	06	
7	Tập dưỡng sinh, luyện thở, vận động cơ khớp, luyện tinh thần	06	02	04	
8	Phương pháp chữa cảm bằng dân gian	02	02		
III	Chương 3: Các cây thuốc nam thường dùng	08	04	04	
9	Thuốc thanh nhiệt Thuốc trừ hàn	01	01		
10	Thuốc lợi tiểu	01	01		
11	Thuốc hành khí - hoạt huyết:	01	01		
12	Thuốc cầm máu - An thần - Ho long đàm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy	01	01		
13	Nhận biết thuốc nam	04		04	
Cộng		50	19	29	02

2. Nội dung môn học chi tiết

Chương 1: Học thuyết âm dương – ngũ hành

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng nêu được lý luận cơ bản trong các học thuyết của y học cổ truyền và Kể các phương pháp chẩn đoán và trị bệnh bằng y học cổ truyền.

2. Nội dung:

2.1. Tên mục:

- Bài 1: Học thuyết âm dương – Ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền
- Bài 2: Nguyên nhân gây bệnh
- Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền

2.2. Tên tiểu mục:

2.2.1. Học thuyết âm dương – Ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền

Học thuyết âm dương

- Khái niệm
- Một số đặc tính cơ bản của âm dương
- Các qui luật âm dương
- Ứng dụng học thuyết âm dương vào y học

Học thuyết ngũ hành

- Khái niệm
- Mối quan hệ ngũ hành với ngũ hành, ngũ hành với tự nhiên, ngũ hành với con người
- Ứng dụng ngũ hành vào y học

2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh

- Nguyên nhân bên ngoài
- Nguyên nhân bên trong
- Bất nội ngoại nhân

2.2.3. Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền

- Phương pháp chẩn đoán tứ chẩn
- Phương pháp chẩn đoán bát cương
- Phương pháp điều trị theo bát pháp

Chương 2: Phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc

Thời gian: 36 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng nêu ra được khái quát về các phương pháp trị bệnh không dùng thuốc. Kể được các kỹ thuật chủ yếu của các phương pháp trị bệnh không dùng thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Tên mục:

- Bài 4: Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu
- Bài 5: Huyết và cách xác định 60 huyết thường dùng, công thức điều trị
- Bài 6: Xoa bóp, bấm huyết các thủ thuật về xoa bóp, xoa bóp chữa 1 số bệnh thông thường
- Bài 7: Tập dưỡng sinh, luyện thở, vận động cơ khớp, luyện tinh thần
- Bài 8: Phương pháp chữa cảm bằng dân gian

2.2. Tên tiêu mục:

2.2.1. Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu

- Khái niệm về châm cứu
- Lịch sử châm cứu
- Các phương pháp châm cứu
- Kỹ thuật châm cứu
- Cách xử trí khi vụng châm

2.2.2. Huyệt và cách xác định 60 huyệt thường dùng, công thức điều trị

- Khái niệm huyệt
- Tác dụng
- Phân loại huyệt
- Cách xác định huyệt
- Vị trí, tác dụng, cách châm 60 huyệt thường dùng

2.2.3. Xoa bóp, bấm huyệt các thủ thuật về xoa bóp, xoa bóp chữa 1 số bệnh thông thường

- Đại cương xoa bóp
- Tác dụng của xoa bóp, bấm huyệt
- Chỉ định, chống chỉ định xoa bóp, bấm huyệt
- Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt

2.2.4. Tập dưỡng sinh, luyện thở, vận động cơ khớp, luyện tinh thần

- Khái niệm dưỡng sinh
- Tác dụng dưỡng sinh
- Tập dưỡng sinh, luyện thở, vận động cơ khớp, luyện tinh thần

2.2.5. Phương pháp chữa cảm bằng dân gian

- Chữa bệnh bằng nôi xông
- Chữa bệnh bằng cách đánh gió
- Chữa bệnh bằng cách cạo gió

Chương 3: Các cây thuốc nam thường dùng

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng khái quát về thuốc nam:

- Nêu được khái niệm về từng nhóm thuốc đã học
- Kể được một số cây thuốc thuộc từng nhóm thuốc đã học
- Trình bày được bộ phận dùng, tác dụng điều trị và liều dung của từng cây thuốc đã học.

2. Nội dung:

2.1. Tên mục:

Bài 9: Thuốc thanh nhiệt

Bài 10: Thuốc trừ hàn

Bài 11: Thuốc lợi tiểu

Bài 12: Thuốc hành khí - hoạt huyết

Bài 13: Thuốc cầm máu - An thần - Ho long đàm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy

Bài 15: Thuốc bổ dưỡng

Bài 16: Nhận biết thuốc nam

2.2. Tên tiểu mục:

2.2.1. Thuốc thanh nhiệt

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Phân loại
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.2. Thuốc trừ hàn

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Phân loại
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.3. Thuốc lợi tiểu

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.4. Thuốc hành khí - hoạt huyết

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.5. Thuốc cầm máu - An thần - Ho long đàm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.6. Thuốc bổ dưỡng

- Khái niệm
- Tác dụng chung
- Các cây thuốc thuộc nhóm

2.2.7. Nhận biết thuốc nam

- Nhận biết từng cây thuốc theo nhóm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, phòng thực hành Y học cổ truyền.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh dùng thuốc, không dùng thuốc của y học cổ truyền.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX_1 + KTTX_2 + (KTĐK_1 + KTĐK_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết (TLT):

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);

- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Y học cổ truyền được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: phương pháp hướng dẫn tích cực.
- Đối với người học: Tự học, tự lập kế hoạch và viết Báo cáo tốt nghiệp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng khám và làm bệnh án y học cổ truyền.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, NXB Y học, 2008
2. Bộ Y tế, Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, 2007
3. Bài giảng Y học cổ truyền, GS. Hoàng Bảo Châu, Nhà xuất bản Y học, 1993
4. Xoa bóp - bấm huyệt, GS. Hoàng Bảo Châu.
5. Giáo trình môn học Y học cổ truyền của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Thực tập: 88 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ II, sau môn học Kỹ thuật điều dưỡng.

- Tính chất:

Môn học cung cấp kiến thức cơ sở lý luận và những nguyên tắc chính để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Giải thích, hướng dẫn và động viên người bệnh khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

- Về kỹ năng:

Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tác phong khẩn trương, tận tình với người bệnh và ý thức vô khuẩn trong công tác chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực hành	Kiểm tra
1	Quy trình điều dưỡng	08	08	
2	Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép	02	02	
3	Tiếp nhận vào bệnh viện, chuyển bệnh và xuất viện	02	02	
4	Dấu hiệu sinh tồn	08	08	
5	Kỹ thuật chăm sóc ngừa loét do tì đè	02	02	
6	Cho người bệnh dùng thuốc	04	04	
7	Kỹ thuật tiêm thuốc	16	14	02
8	Kỹ thuật tiêm truyền dung dịch	12	12	
9	Kỹ thuật truyền máu	04	04	
10	Kỹ thuật lấy máu để thử xét nghiệm	02	02	
11	Kỹ thuật lấy đàm, phân, mủ để thử xét nghiệm	02	02	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực hành	Kiểm tra
12	Kỹ thuật lấy nước tiểu để thử xét nghiệm	02	02	
13	Kỹ thuật thông tiểu thường	04	04	
14	Kỹ thuật cho ăn bằng ống	02	02	
15	Kỹ thuật hút dịch vị	02	02	
16	Kỹ thuật cho thở dưỡng khí	02	02	
17	Kỹ thuật thay băng vết thương thường	12	12	
18	Kỹ thuật chườm nóng – chườm lạnh	04	04	
Cộng		90	88	02

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Các khoa, phòng điều trị của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thuốc dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này hướng dẫn cho người học những kỹ năng về kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, giúp người học chuẩn bị dụng cụ, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản theo đúng quy trình, rèn luyện tác phong khẩn trương, tận tình với bệnh nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);

- Hình thức: quy trình chăm sóc, kỹ năng kỹ thuật điều dưỡng.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2]/3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm quy trình chăm sóc, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực hành lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn cho người học những kỹ năng về kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, giúp người học chuẩn bị dụng cụ, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản theo đúng quy trình, rèn luyện tác phong khấn trương, tận tình với bệnh nhân.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Điều dưỡng cơ bản, NXB Y học, năm 2001.
2. Sinh lý học tập I,II, NXB Y học, năm 2001
3. Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh, Bộ Y tế, NXB Y học, năm 2002.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện, Bộ Y tế, NXB Y học, năm 2001.
5. Giáo trình môn Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu của nhà trường.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI KHOA

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Thực tập: 132 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng nội khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ III, sau môn học Bệnh học nội khoa.

- Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh nội khoa. Khám, chẩn đoán đúng và xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nhận định các triệu chứng lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trên người bệnh.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện các kỹ năng thăm khám thuần thực trên người bệnh và làm hoàn chỉnh bệnh án 2. bệnh nội khoa.
3. Xử trí, hỗ trợ xử trí được những tình huống cấp cứu nội khoa thường gặp.
4. Tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà của họ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tỉ mỉ, cẩn thận, kiên nhẫn và tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận người bệnh khám bệnh vào khoa nội điều trị	04	04	
2	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh tim mạch: tăng huyết áp, suy tim, bệnh mạch vành.	16	16	
3	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh hô hấp: viêm phế quản, viêm phổi, hen, COPD	16	16	
4	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh tiêu hóa: viêm, loét dạ dày- tá tràng; xơ gan; xuất huyết tiêu hóa, rối loạn tiêu hóa	16	16	
5	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh tiết niệu: nhiễm trùng tiểu, suy thận, viêm cầu thận	08	08	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
6	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh thần kinh: đầu thần kinh khu trú, liệt nửa người, liệt dây VII	08	08	
7	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh nội tiết: basedow, đái tháo đường, bướu cổ khác basedow.	08	08	
8	Thăm khám, xác định triệu chứng bệnh cơ, xương, khớp, vận động: biến dạng khớp, cứng khớp	04	04	
9	Thăm khám bệnh, hỗ trợ xử trí tình trạng cấp cứu nội khoa: phù phổi, sốc phản vệ, ngừng tuần hoàn- hô hấp, ngạt nước, rấn cắn	16	16	
10	Làm và bình bệnh nội khoa	19	16	03
11	Ghi chép hồ sơ bệnh án	04	04	
12	Truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình của họ	08	08	
13	Thực tập các kỹ thuật chăm sóc, theo dõi người bệnh tại khoa nội	08	08	
Cộng		135	132	03

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa nội của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh nội khoa thường gặp.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng nội khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh nội khoa.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bệnh học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.

2. Bệnh học nội khoa tập 1 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học

3. Bệnh học nội khoa tập 2 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học

4. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.

5. Triệu chứng học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG NGOẠI KHOA

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Thực tập lâm sàng: 132 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng ngoại khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Bệnh học ngoại khoa.

- Tính chất:

Môn học này rèn luyện các kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh ngoại khoa. Thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trên người bệnh.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện thăm khám và làm bệnh án bệnh ngoại khoa.
2. Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tỉ mỉ, cẩn thận, kiên nhẫn và tôn trọng bệnh nhân, người nhà bệnh nhân.

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận người bệnh khám bệnh vào khoa ngoại điều trị	04	04	
2	Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh ngoại khoa hệ tiêu hóa	16	16	
3	Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh ngoại khoa hệ tiết niệu	08	08	
4	Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh ngoại khoa về cơ, xương, khớp	08	08	
5	Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh ngoại khoa về gan, mật	12	12	
6	Khám và phát hiện triệu chứng chấn thương, vết thương ngực	08	08	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
7	Khám và phát hiện triệu chứng chấn thương, vết thương sọ não	08	08	
8	Khám và phát hiện triệu chứng gãy xương, bong gân, trật khớp	12	12	
9	Khám và phát hiện triệu chứng các cấp cứu ngoại khoa về ổ bụng	12	12	
10	Làm và bình bệnh án ngoại khoa	15	12	03
11	Chuẩn bị người bệnh trước khi phẫu thuật	08	08	
12	Chăm sóc người bệnh sau khi phẫu thuật	08	08	
13	Băng bó vết thương, bó bột	08	08	
14	Kiến tập tại phòng mổ	04	04	
15	Tư vấn, GDSK cho người bệnh và thân nhân của họ	04	04	
Cộng		135	132	03

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa ngoại của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh ngoại khoa thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng ngoại khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh ngoại khoa.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Triệu chứng học ngoại khoa (2012), *Đại học Y Dược Tp.HCM*, NXB Y học
2. Bệnh học ngoại khoa (2012), *Đại học Y Dược Tp.HCM*, NXB Y học.
3. Bệnh học ngoại khoa (2016), *Đại học Y Hà Nội*, NXB Y học.
4. Bảng kiểm dạy/học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG NHI KHOA

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Thực tập: 132 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng nhi khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ III, sau môn học Sức khỏe trẻ em.

- Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh nhi khoa. Thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nhi khoa thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh nhi khoa thường gặp.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện thuần thực kỹ năng thăm khám trẻ hiệu quả và làm hoàn chỉnh bệnh án bệnh nhi khoa.
2. Hỗ trợ, xử trí các trường hợp cấp cứu nhi khoa thường gặp.
3. Tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho trẻ lớn, người nhà bệnh nhi.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tỉ mỉ, cẩn thận, kiên nhẫn và tôn trọng bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận trẻ em đến khám bệnh và khoa nhi điều trị	04	04	
2	Khám toàn trạng, đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ	12	12	
3	Thăm khám, xác định triệu chứng bệnh tim mạch ở trẻ em: tim bẩm sinh	08	08	
4	Thăm khám, xác định các triệu chứng thiếu máu ở trẻ: da xanh, niêm nhạt, biến dạng xương	08	08	
5	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh hô hấp ở trẻ em: viêm phổi, viêm phế quản, hen, nhiễm khuẩn hô hấp	12	12	
6	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh tiêu hóa ở trẻ	12	12	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
	em: tiêu chảy, dấu mắt nước, nhiễm giun			
7	Thăm khám, xác định các triệu chứng bệnh tiết niệu ở trẻ em: nhiễm trùng tiểu, hội chứng thận hư	08	08	
8	Thăm khám, xác định triệu chứng vàng da ở trẻ sơ sinh	12	12	
9	Thăm khám, xác định các dấu hiệu dị tật bẩm sinh ở trẻ em: sứt môi, hở hàm ếch, tắc ruột	08	08	
10	Thăm khám, xác định các triệu chứng nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh: sốt, nhiễm trùng da, nhiễm trùng rốn	08	08	
11	Thăm khám, hỗ trợ xử trí một số trường hợp cấp cứu nhi khoa: sặc sữa, ngừng tuần hoàn- hô hấp	16	16	
12	Làm và bình bệnh án nhi khoa	19	16	03
13	Hướng dẫn, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ em	08	08	
Cộng		135	132	03

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa Nhi của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh nhi khoa thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);

- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.
- + Kiểm tra định kỳ:
- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
 - Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
 - $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);
- + Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.
- + Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng nhi khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực.
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh nhi khoa.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí một số bệnh thường gặp ở trẻ em*, Hà Nội.
2. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2011), *Bài giảng nhi khoa*, NXB Y học.
3. Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2015), *Giáo trình nhi khoa*, TP. HCM
4. WHO (2014), *Interated management of childhood illness*
5. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG SẢN PHỤ KHOA

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Thực tập: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

-Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng sản phụ khoa là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Sức khỏe sinh sản.

-Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh sản phụ khoa. Khám và chẩn đoán đúng một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh sản phụ khoa thường gặp.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện thăm khám và làm bệnh án sản phụ khoa.
2. Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà của họ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tỉ mỉ, cẩn thận, kiên nhẫn và tôn trọng sản phụ, người nhà sản phụ.

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận sản phụ và người bệnh đến khám và điều trị	08	08	
2	Làm và bình bệnh án sản - phụ khoa	10	08	02
3	Nhận định tình trạng của sản phụ chuyển dạ đẻ	08	08	
4	Nghe tim thai, đo chiều cao tử cung	08	08	
5	Kiến tập đỡ đẻ	06	06	
6	Kiến tập, phụ kỹ thuật cắt và khâu tầng sinh môn	06	06	
7	Kiến tập và thực hiện đỡ rau, kiểm tra rau và màng rau	04	04	
8	Nhận định thai nhi đủ tháng, thiếu tháng	08	08	
9	Kiến tập và thực hiện kỹ thuật khám phụ khoa	04	04	
10	Kiến tập, xử trí các cấp cứu sản khoa	04	04	
11	Khám bệnh sản phụ khoa	08	08	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
12	Hướng dẫn các biện pháp sinh đẻ kế hoạch	04	04	
13	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	06	06	
14	Tư vấn, GDSK cho sản phụ và gia đình của họ	06	06	
Cộng		90	88	02

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa sản của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh sản phụ khoa thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2]/3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.

- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);
 + Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.
 + Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
 + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng sản phụ khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án sản phụ khoa.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Sản – Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.
2. Bệnh học sản, Trường đại học Y Hà Nội.
3. Sản phụ khoa, Đại học Y – Dược TP. Hồ Chí Minh.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện, Bộ Y tế, NXB Y học.
5. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Bộ Y tế
6. Chăm sóc sức khỏe sinh sản – Tài liệu dùng cho Cán bộ Y tế cơ sở. Ủy ban Quốc gia Dân số, Gia đình và Trẻ em.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC SỐ 23

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Thực tập lâm sàng: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Bệnh truyền nhiễm - xã hội.

- Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án truyền nhiễm thường gặp.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nhận định triệu chứng lâm sàng các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện thăm khám và làm bệnh án bệnh truyền nhiễm.
2. Tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà của họ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tôn trọng, kiên nhẫn, cẩn thận trong việc thăm khám và tư vấn cho người bệnh.

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận người đến khám bệnh và vào khoa truyền nhiễm điều trị	06	06	
2	Làm và bình bệnh án truyền nhiễm	09	08	01
3	Thăm khám và xác định triệu chứng bệnh lây qua đường hô hấp: sởi, viêm màng não mủ, quai bị, cúm, thủy đậu	08	08	
4	Thăm khám và xác định triệu chứng bệnh lây qua đường tiêu hóa: tay chân miệng, viêm gan virus A, B, C, tả, lỵ, thương hàn	08	08	
5	Thăm khám và xác định triệu chứng bệnh lây qua đường máu: sốt xuất huyết, sốt rét, viêm não Nhật Bản	08	08	
6	Tuyên truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình của họ phòng các bệnh truyền nhiễm	06	06	

Tổng số	45	44	01
----------------	-----------	-----------	-----------

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa nhiễm của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng khám và làm bệnh án bệnh truyền nhiễm.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn chẩn đoán điều trị sốt xuất huyết Dengue*, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2012), *Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh tay-chân-miệng*, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2015), *Tài liệu đào tạo HIV/ AIDS*, Hà Nội.
4. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (1997), *Bệnh học truyền nhiễm*, TP. HCM
5. PGS.TSKH. Bùi Đại (2005), *Bệnh học truyền nhiễm*, NXB Y học.
6. Trường đại học Y Dược Huế (2008), *Bệnh truyền nhiễm*, NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC SỐ 24

Tên môn học: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Thực tập lâm sàng: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập lâm sàng y học cổ truyền là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Y học cổ truyền.

- Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án y học cổ truyền thường gặp. Khám và chẩn đoán đúng một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

1. Khám bệnh, chẩn đoán và điều trị một số chứng, bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền.
2. Tham gia bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

- Về kỹ năng:

1. Hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng, khai thác, sử dụng các cây, con và nguyên liệu làm thuốc an toàn, hợp lý.
2. Làm bệnh án Y học cổ truyền cho người bệnh nội trú và ngoại trú.
3. Tham gia công tác hành chính, quản lý hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám, chữa bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Rèn luyện đạo đức, tác phong thận trọng, chính xác của người thầy thuốc

III. Nội dung chi tiết môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị.	02	02	
2	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Nội khoa theo Y học cổ truyền.	04	04	
3	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Ngoại khoa theo Y học cổ truyền.	04	04	
4	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh phụ khoa theo Y học cổ truyền.	04	04	
5	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh	04	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
	Nhi khoa theo Y học cổ truyền.			
6	Phụ giúp Bác sỹ thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.	02	02	
7	Làm bệnh án và lập kế hoạch điều trị các bệnh thông thường bằng phương pháp châm cứu (tai biến mạch máu não, đau thần kinh tọa, liệt dây thần kinh VII ngoại biên, đau lưng, đau vai gáy, suy nhược thần kinh, đau khớp, chấp, lẹo).	05	04	01
8	Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh.	02	02	
9	Kiến tập châm cứu một số bệnh khó (châm tê, chôn chỉ, liệt hai chi dưới, giảm thị lực, câm điếc.....).	02	02	
10	Kiến tập xử lý châm cứu (vùng châm, gãy kim...).	02	02	
11	Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường (đau đầu, liệt nửa người, đau lưng cấp, đau vai gáy, đau thần kinh tọa).	04	04	
12	Hướng dẫn tập dưỡng sinh (các động tác cơ bản).	02	02	
13	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.	04	04	
14	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình của họ.	04	04	
Cộng		45	44	01

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị khoa y học cổ truyền của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh hay bệnh viện chuyên khoa y học cổ truyền.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kỹ năng khám, chẩn đoán và xử trí đúng các bệnh y học cổ truyền thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Thực tập lâm sàng y học cổ truyền được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng khám và làm bệnh án y học cổ truyền.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, NXB Y học, 2008
2. Bộ Y tế, Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, 2007
3. Bài giảng Y học cổ truyền, GS. Hoàng Bảo Châu, Nhà xuất bản Y học, 1993

4. Xoa bóp - bấm huyệt, GS. Hoàng Bảo Châu.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC SỐ 25

Tên môn học: THỰC TẬP Y TẾ CỘNG ĐỒNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Thực tập lâm sàng: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

-Vị trí:

Môn học Thực tập y tế cộng đồng là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Y tế cộng đồng

-Tính chất:

Môn học này rèn luyện kỹ năng các bước trong chẩn đoán cộng đồng, hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu thích hợp ở tuyến y tế cơ sở.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng, nêu được hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu và lựa chọn các phương pháp xử lý ban đầu thích hợp ở tuyến y tế cơ sở.

- Về kỹ năng:

1. Tham gia công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng về các vấn đề sức khỏe.
2. Quản lý, theo dõi, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh xã hội, bệnh mạn tính tại cơ sở y tế, tại nhà.
3. Thực hiện các chương trình y tế địa phương. Hướng dẫn, tư vấn cho nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh. Tham gia công tác quản lý hành chính trạm y tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện người cán bộ y tế có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước tính mạng và sức khỏe người bệnh

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Điều tra cơ bản: Dân số Môi trường, nguồn nước, nhà vệ sinh, rác thải Bệnh tật: Bệnh xã hội, ổ dịch	12	12	
2	Lập kế hoạch về vấn đề tư vấn sức khỏe tại cộng đồng	04	04	
3	Tổ chức thực hiện kế hoạch	04	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
4	Tham gia khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khỏe	12	12	
5	Tham gia Ngày sức khỏe Lồng ghép các hoạt động y tế	04	04	
6	Đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch	04	04	
7	Vẽ bản đồ sức khỏe Vẽ sơ đồ trạm y tế Viết báo cáo cuối đợt thực tập	05	04	01
Cộng		45	44	01

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Khoa, phòng thuộc trạm y tế tuyến xã.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này rèn luyện kỹ năng các bước trong chẩn đoán cộng đồng, hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu thích hợp ở tuyến y tế cơ sở.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2]/3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: Báo cáo cuối đợt thực tập.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học này rèn luyện kỹ năng các bước trong chẩn đoán cộng đồng, hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu thích hợp ở tuyến y tế cơ sở.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng các bước trong chẩn đoán cộng đồng, hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu thích hợp ở tuyến y tế cơ sở.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Y tế cộng đồng (2008), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
2. Sổ tay cộng đồng và sức khỏe gia đình (2006), *Bộ Y tế*, NXB Y học.
3. Điều dưỡng cộng đồng (2006), *Vụ Khoa học đào tạo - Bộ Y tế*, NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Thực tập lâm sàng: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Thực tập tốt nghiệp là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau các môn học Thực tập lâm sàng nội khoa, Thực tập lâm sàng ngoại khoa, Thực tập lâm sàng nhi khoa, Thực tập lâm sàng sản phụ khoa và Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp kiến thức về chức năng nhiệm vụ của người y sỹ tại các cơ sở y tế, vận dụng kiến thức thực hiện nhiệm vụ của người y sỹ đa khoa vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của cơ sở y tế.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa và các kỹ thuật chăm sóc đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế.
2. Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại các cơ sở y tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Rèn luyện người cán bộ y tế có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh.
2. Liên kết chặt chẽ giữa các đồng nghiệp trong cơ sở y tế, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, không ngừng nâng cao hiệu quả phục vụ sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
1	Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế.	04	04	
2	Tìm hiểu về chức trách, nhiệm vụ của người cán bộ y tế tại các cơ sở y tế tuyến huyện,	04	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	Kiểm tra
	tuyên tỉnh.			
3	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ tại Cơ sở y tế. (Chọn 01 trong các chuyên khoa)	82	80	02
3.1	Khoa Nội	82	80	02
3.2	Khoa Ngoại	82	80	02
3.3	Khoa Sản	82	80	02
3.4	Khoa Nhi	82	80	02
Cộng		90	88	02

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng điều trị tại các khoa chuyên môn của bệnh viện đa khoa tuyển tỉnh, trung tâm y tế tuyển huyện.

2. Trang thiết bị:

Mô hình, dụng cụ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ổng nghe, thước dây, đèn pin, sổ ghi chép.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, chỉ tiêu tay nghề, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: bệnh án, kỹ năng lâm sàng.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- **Thi kết thúc môn học:**

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thực tập; đạt $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: làm bệnh án, hỏi thi vấn đáp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học này rèn luyện kỹ năng các bước trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị thích hợp ở cơ sở y tế.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần hướng dẫn rèn luyện kỹ năng thăm khám và làm bệnh án bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bệnh học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 1 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.
3. Bệnh học nội khoa tập 2 (2016), Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.
4. Bảng kiểm dạy/ học kỹ năng lâm sàng (2013), Dự án mẹ-em, NXB Y học.
5. Triệu chứng học Nội khoa (2012), Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh - NXB Y học.
6. Triệu chứng học ngoại khoa (2012), *Đại học Y Dược Tp.HCM*, NXB Y học.
7. Bệnh học ngoại khoa (2012), *Đại học Y Dược Tp.HCM*, NXB Y học.
8. Bệnh học ngoại khoa (2016), *Đại học Y Hà Nội*, NXB Y học.
9. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí một số bệnh thường gặp ở trẻ em*, Hà Nội.
10. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2011), *Bài giảng nhi khoa*, NXB Y học.
11. Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2015), *Giáo trình nhi khoa*, TP. HCM.
- WHO (2014), *Interated management of childhood illness*.
12. Sản – Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học.

13. Bệnh học sản, Trường đại học Y Hà Nội.
 14. Sản phụ khoa, Đại học Y – Dược TP. Hồ Chí Minh.
 15. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện, Bộ Y tế, NXB Y học.
 16. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Bộ Y tế
 17. Chăm sóc sức khỏe sinh sản – Tài liệu dùng cho Cán bộ Y tế cơ sở. Ủy ban Quốc gia Dân số, Gia đình và Trẻ em.
- 5. Ghi chú và giải thích:** không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Báo cáo tốt nghiệp là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau môn học Thực tập tốt nghiệp.

- Tính chất:

Môn học cung cấp chức năng, nhiệm vụ, quy mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế; chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa tại Cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được các chức năng, nhiệm vụ, quy mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế và Khoa chuyên môn.
2. Mô tả chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa tại Cơ sở y tế.

- Về kỹ năng:

Lập kế hoạch và viết báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, quy mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế và Khoa chuyên môn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)	
		Tổng số	Thảo luận
1	Chức năng, nhiệm vụ của Cơ sở y tế.	08	08
2	Quy mô, trang thiết bị của Cơ sở Y tế	08	08
3	Bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở Y tế	08	08
4	Bộ máy tổ chức hoạt động của Khoa chuyên môn	08	08
5	Chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ tại Cơ sở y tế.	08	08
6	Báo cáo tốt nghiệp	50	50
Cộng		90	90

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

Phòng học lý thuyết, thảo luận.

2. Trang thiết bị:

Máy chiếu Projector, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Trình bày được các chức năng, nhiệm vụ, quy mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế và Khoa chuyên môn. Mô tả chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa tại Cơ sở y tế.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Hình thức: chuyên cần, đúng thời hạn nộp bài Báo cáo tốt nghiệp.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Hình thức: Nội dung bài Báo cáo tốt nghiệp.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK) \times 2] / 3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự 100% thời gian thảo luận và viết Báo cáo tốt nghiệp.
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Hình thức: hỏi thi vấn đáp dựa vào bài Báo cáo tốt nghiệp.

+ Thời gian: 90 - 120 phút.

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học này cung cấp các kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, qui mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế và Khoa chuyên môn; chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa tại Cơ sở y tế.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp hướng dẫn tích cực.
- Đối với người học: Tự học, tự lập kế hoạch và viết Báo cáo tốt nghiệp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp các kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, quy mô, trang thiết bị và bộ máy tổ chức hoạt động của Cơ sở y tế; chức năng, nhiệm vụ của người Y sỹ đa khoa tại Cơ sở y tế.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ Y tế- Bộ Y tế

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

Tên môn học: BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Bệnh chuyên khoa là môn học tự chọn thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau các môn học Bệnh học nội khoa và Bệnh học ngoại khoa.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp kiến thức đặc điểm giải phẫu sinh lý, cách khám và phát hiện, xử trí các bệnh thường gặp về mắt, răng miệng, tai, mũi, họng và da.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Nhận dạng, mô tả đặc điểm giải phẫu- sinh lý của mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da và các bộ phận phụ thuộc của nó.
2. Trình bày được những triệu chứng chính về các bệnh cấp cứu, bệnh thường gặp của mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da ở tuyến cơ sở và hướng xử trí.

- Về kỹ năng:

1. Tiến hành khám chuyên khoa đúng kỹ thuật bằng tay sạch, dụng cụ đơn giản một cách tỉ mỉ, thận trọng.
2. Chẩn đoán sớm, sơ cứu đúng nguyên tắc, gửi lên tuyến trên kịp thời những trường hợp cấp cứu và bệnh vượt quá khả năng điều trị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện bệnh, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
I	Chương I: Mắt	05	05	
1	Giải phẫu và sinh lý mắt và phương pháp khám các chức năng thị giác	02	02	
2	Viêm kết mạc, viêm loét giác mạc	01	01	
3	Đục thủy tinh thể, viêm mống mắt	01	01	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
4	Sang chấn, bong mắt	01	01	
II	Chương II: Răng hàm mặt	06	05	01
1	Giải phẫu – sinh lý răng, miệng và cách khám RHM	02	02	
2	Sâu răng Viêm tủy, viêm quanh cuống răng	01	01	
3	Viêm Lợi và viêm quanh răng	01	01	
4	Chấn thương vùng hàm, răng	02	01	01
III	Chương III: Tai mũi họng	05	05	
1	Sơ lược giải phẫu – sinh lý Tai – Mũi – Họng và cách khám Tai – Mũi – Họng	02	02	
2	Viêm mũi, viêm xoang, viêm VA Viêm họng, viêm Amidan	01	01	
3	Viêm tai giữa, viêm tai xương chũm	01	01	
4	Chấn thương Tai – Mũi – Họng	01	01	
IV	Chương IV: Da liễu	04	04	
1	Giải phẫu – sinh lý da,	02	02	
2	Các tổn thương cơ bản Bệnh ghẻ, hắc bào, chốc lở, Eczema, viêm da	02	02	
Cộng		20	19	01

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Mắt

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng mô tả cấu tạo giải phẫu sinh lý của mắt, thực hiện khám được chức năng thị giác của mắt và nêu được những triệu chứng chính, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh về mắt thường gặp.

2. Nội dung:

- Mô tả được các chi tiết giải phẫu của mắt
- Nêu được những triệu chứng chính về các bệnh glôm-côm cấp; viêm kết mạc, viêm loét giác mạc; chắp, lẹo, mộng mắt; đục thủy tinh thể; viêm mống mắt, mắt hột; sang chấn, bong mắt.
- Chẩn đoán sớm, sơ cứu đúng nguyên tắc các bệnh glôm-côm cấp; viêm kết mạc, viêm loét giác mạc; chắp, lẹo, mộng mắt; đục thủy tinh thể; viêm mống mắt, mắt hột; sang chấn, bong mắt

- Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện các bệnh về mắt, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý mắt và phương pháp khám các chức năng thị giác

- Mô tả cấu tạo, chức năng của mắt.
- Mô tả được các chi tiết giải phẫu của mắt trên mô hình
- Thực hiện thăm khám được chức năng thị giác của mắt.

Bài 2: Bệnh Glômcôm cấp

- Định nghĩa bệnh Glômcôm cấp
- Nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng, cách điều trị và chăm sóc bệnh nhân bệnh Glômcôm cấp.
- Khám, phát hiện và chẩn đoán được bệnh nhân bệnh Glômcôm cấp.

Bài 3: Viêm kết mạc, viêm loét giác mạc

- Viêm kết mạc, viêm loét giác mạc là gì
- Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng thường gặp, cách điều trị và dự phòng bệnh viêm kết mạc, viêm loét giác mạc.
- Khám, phát hiện và chẩn đoán được bệnh viêm kết mạc, viêm loét giác mạc.

Bài 4: Chấn, lẹo, mộng mắt

- Chấn, lẹo, mộng mắt là gì?
- Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng thường gặp, cách điều trị và dự phòng bệnh chấn, lẹo, mộng mắt
- Khám, phát hiện và chẩn đoán được chấn, lẹo, mộng mắt.

Bài 5: Đục thủy tinh thể, viêm mống mắt.

- Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng thường gặp, cách điều trị và dự phòng bệnh đục thủy tinh thể, viêm mống mắt.
- Khám, phát hiện và chẩn đoán được đục thủy tinh thể, viêm mống mắt.

Bài 6: Mắt hột

- Bệnh mắt hột là gì? Nguyên nhân gây bệnh.
- Các giai đoạn, triệu chứng của bệnh mắt hột.
- Biến chứng, cách điều trị và dự phòng bệnh mắt hột.

Bài 7: Sang chấn, bóng mắt

- Nguyên nhân gây sang chấn mắt, bóng mắt
- Triệu chứng, cách xử trí đụng dập mi mắt hốc mắt, đụng dập và thủng nhãn cầu.
- Triệu chứng, cách xử trí bóng mắt.

Chương II: Răng hàm mặt

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng mô tả cấu tạo giải phẫu sinh lý của răng và thực hiện khám được bệnh nhân răng hàm mặt. Nêu được những triệu chứng chính và xử trí ban đầu các bệnh răng hàm mặt thường gặp.

2. Nội dung:

- Nêu được những triệu chứng chính và cách điều trị về các bệnh răng miệng thường gặp
- Khám, chẩn đoán sớm, sơ cứu đúng nguyên tắc các bệnh sâu răng, viêm tủy, viêm quanh cuống răng; viêm lợi và viêm quanh răng; chấn thương vùng hàm, răng, tai biến do mọc răng.

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh răng miệng cơ bản

- Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện các bệnh ở vùng hàm mặt, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh.

Bài 1: Giải phẫu – sinh lý răng, miệng và cách khám RHM

- Mô tả cấu tạo, chức năng của răng
- Mô tả được đặc điểm của răng trên mô hình
- Thực hiện thăm khám được bệnh nhân răng hàm mặt.

Bài 2: Sâu răng Viêm tủy, viêm quanh cuống răng

- Định nghĩa sâu răng
- Trình bày sơ đồ Keys.
- Triệu chứng, cách điều trị và bệnh sâu răng, viêm tủy, viêm quanh cuống răng.
- Nguyên tắc dự phòng bệnh sâu răng, viêm tủy, viêm quanh cuống răng.

Bài 3: Viêm Lợi và viêm quanh răng

- Định nghĩa bệnh viêm quanh răng.
- Nguyên nhân gây bệnh viêm lợi, viêm quanh răng
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng viêm lợi, viêm quanh răng.

Bài 4: Chấn thương vùng hàm, răng

- Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt.
- Gãy lefort 1,2,3
- Chấn thương răng
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng chấn thương vùng hàm, răng.

Bài 5: Tai biến do mọc răng

- Tai biến mọc răng sữa
- Tai biến mọc răng khôn
- Cách xử lý tai biến mọc răng

Bài 6: Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

- Nêu được những chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- Khám, chẩn đoán, chỉ định được những răng cần nhổ và những chống chỉ định nhổ răng.

Bài 7: Vệ sinh răng, miệng

- Nêu được các phương pháp vệ sinh răng miệng
- Chải răng theo phương pháp bass cải tiến
- Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ biết được các phương pháp vệ sinh răng miệng nhằm mang lại một sức khỏe răng miệng tốt.

Chương III: Tai mũi họng

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng nêu được cấu tạo giải phẫu sinh lý của tai, mũi, họng, những triệu chứng chính, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh về tai, mũi, họng thường gặp.

2. Nội dung:

- Nêu được những triệu chứng chính về các bệnh chảy máu cam; dị vật đường thở và đường ăn; viêm mũi, viêm xoang, viêm VA; viêm họng, viêm Amidan; viêm thanh quản; viêm tai giữa, viêm tai xương chũm; chấn thương Tai – Mũi – Họng
- Chẩn đoán sớm, sơ cứu đúng nguyên tắc các bệnh chảy máu cam; dị vật đường thở và đường ăn; viêm mũi, viêm xoang, viêm VA; viêm họng, viêm Amidan; viêm thanh quản; viêm tai giữa, viêm tai xương chũm; chấn thương Tai – Mũi – Họng
- Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện các bệnh về tai-mũi-họng, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh.

Bài 1: Sơ lược giải phẫu – sinh lý Tai – Mũi – Họng và cách khám Tai – Mũi – Họng

- Mô tả cấu tạo, chức năng của tai, mũi, họng
- Mô tả được các chi tiết giải phẫu của tai, mũi, họng trên mô hình
- Thực hiện thăm khám được bệnh nhân tai mũi họng.

Bài 2: Chảy máu cam

- Chảy máu cam là gì?
- Nguyên nhân, triệu chứng, cách xử trí và dự phòng chảy máu cam

Bài 3: Dị vật đường thở và đường ăn.

- Nguyên nhân gây dị vật đường thở, dị vật đường ăn
- Triệu chứng, cách xử trí khi mắc dị vật đường thở, dị vật đường ăn.

Bài 4: Viêm mũi, viêm xoang, viêm VA

- Nguyên nhân gây viêm mũi, viêm xoang, viêm VA
- Triệu chứng, cách điều trị và phòng bệnh viêm mũi, viêm xoang, viêm VA

Bài 5: Viêm họng, viêm Amidan

- Nguyên nhân gây viêm họng, viêm amidan
- Triệu chứng, cách điều trị và phòng viêm họng, viêm amidan

Bài 6: Viêm thanh quản

- Nguyên nhân gây viêm thanh quản
- Triệu chứng, cách điều trị và phòng viêm thanh quản

Bài 7: Viêm tai giữa, viêm tai xương chũm

- Nguyên nhân gây viêm họng, viêm tai giữa, viêm tai xương chũm
- Triệu chứng, cách điều trị và phòng viêm họng, viêm amidan

Bài 8: Chấn thương Tai – Mũi – Họng

- Các nguyên nhân chấn thương tai- mũi- họng
- Triệu chứng, cách xử trí ban đầu các chấn thương tai- mũi- họng.
- Cách phòng chấn thương tai- mũi- họng

Chương IV: Da liễu

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng mô tả cấu tạo của da, nêu được những triệu chứng chính, chẩn đoán, xử trí và dự phòng các bệnh về da.

2. Nội dung:

- Mô tả được giải phẫu da
- Nêu được những triệu chứng chính về các bệnh ghê; hắc bào, chốc lở, Eczema, viêm da; nhiễm độc da do thuốc; dị ứng, mày đay.
- Chẩn đoán sớm và thực hiện các thủ thuật xử lý ban đầu các bệnh về da
- Giáo dục y tế cho cộng đồng để họ có thể tự phát hiện các bệnh về da, tự phòng bệnh và tự đến cơ sở khám và chữa bệnh.

Bài 1: Giải phẫu – sinh lý da.

- Cấu tạo về giải phẫu da.
- Chức năng của da.

Bài 2: Các tổn thương cơ bản

- Mô tả các tổn thương cơ bản của da
- Khám, phát hiện được các tổn thương cơ bản của da

Bài 3: Bệnh ghê

- Dịch tễ học, nguyên nhân gây bệnh ghê
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng bệnh ghê

Bài 4: Hắc bào, chốc lở, Eczema, viêm da

- Nguyên nhân gây hắc bào, chốc lở, Eczema, viêm da
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng hắc bào, chốc lở, Eczema, viêm da.

Bài 5: Nhiễm độc da do thuốc

- Khái niệm nhiễm độc da do thuốc
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng nhiễm độc da do thuốc

Bài 6: Dị ứng, mày đay

- Khái niệm, nguyên nhân, cơ chế gây dị ứng, mào đay.
- Triệu chứng, cách điều trị và dự phòng dị ứng, mào đay.

Bài 7: Vệ sinh, phòng bệnh da

- Ảnh hưởng của môi trường đến các bệnh về da.
- Cách vệ sinh, phòng bệnh da

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, phòng thực hành lâm sàng Nội - Ngoại.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu Projector, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính, mô hình).

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về cách khám bệnh, nhận biết nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phương pháp điều trị bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Bệnh chuyên khoa được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức đặc điểm giải phẫu sinh lý, cách khám và phát hiện, xử trí các bệnh thường gặp về mắt, răng miệng, tai, mũi, họng và da.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Mắt – TMH, Nhà xuất bản Y học.
2. Chăm sóc các bệnh chuyên khoa, Bộ Y tế.
3. Bài giảng Răng – Hàm – Mặt, Trường đại học Y Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Bệnh chuyên khoa của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí:

Môn học Phục hồi chức năng là môn học tự chọn thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Môn học được thực hiện ở học kỳ IV, sau các môn học Bệnh học nội khoa và Bệnh học ngoại khoa.

- Tính chất:

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng và vật lý trị liệu.

II. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

1. Xác định mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và các dạng tàn tật thường gặp.
2. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi chức năng thông thường.

- Về kỹ năng:

1. Làm đúng kỹ thuật các thao tác cơ bản phục hồi chức năng cho người tàn tật, người bệnh, trong 7 nhóm tàn tật ở cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Hướng dẫn người bệnh và người nhà tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
I	Chương I: Đại cương về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	03	03	
1.1	Đại cương phục hồi chức năng / vật lý trị liệu	01	01	
1.2	Vai trò của phục hồi chức năng	01	01	
1.3	Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa	01	01	
II	Chương II: Một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	04	04	
2.1	Một số phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng	04	04	
III	Chương III: Phục hồi chức năng các bệnh thường gặp	13	12	01
3.1	Phục hồi chức năng cho người bệnh khó khăn về vận động	02	02	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
3.2	Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.	01	01	
3.3	Phục hồi chức năng cho người bệnh bại não	01	01	
3.4	Phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương	02	02	
3.5	Phục hồi chức năng cho người bệnh hô hấp	01	01	
3.6	Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật	01	01	
3.7	PHCN cho người bệnh trước và sau đẻ	01	01	
3.8	PHCN cho người khó khăn về nghe – nói	01	01	
3.9	PHCN cho người mắc bệnh động kinh	02	01	01
3.10	PHCN Dựa vào cộng đồng	01	01	
Cộng		20	19	01

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Đại cương về Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng:

- Trình bày được định nghĩa, mục đích của phục hồi chức năng.
- Trình bày được các hình thức, phạm vi và nguyên tắc phục hồi chức năng.
- Trình bày được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa.
- Trình bày được nhiệm vụ của điều dưỡng trong phục hồi chức năng vật lý trị liệu.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về vật lý trị liệu và PHCN.

2.1.1. Định nghĩa về PHCN.

2.1.2. Mục đích của PHCN.

2.1.3. Các hình thức PHCN.

2.1.4. Phạm vi, vai trò của người CBYT trong PHCN/VLTL.

2.1.5. Nguyên tắc PHCN.

2.2. Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN.

2.2.1. Quá trình gây bệnh.

2.2.2. Định nghĩa: khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.

2.2.3. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật.

Chương II: Một số Phương pháp VLTL/PHCN

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng:

- Mô tả được các phương pháp vật lý trị liệu thường được ứng dụng.

2. Nội dung:

2.1 Một số phương pháp Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng

2.1.1. Các phương thức vật lý trị liệu thường được ứng dụng.

2.1.2. Nhiệt trị liệu.

Chương III: Phục hồi chức năng các bệnh thường gặp

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong người học có khả năng:

- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh khó khăn về vận động
- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên
- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh bại não
- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương
- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh hô hấp
- Trình bày được Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật
- Trình bày được PHCN cho người bệnh trước và sau đẻ
- Trình bày được PHCN cho người khó khăn về nghe – nói
- Trình bày được PHCN cho người mắc bệnh động kinh
- Trình bày được PHCN Dựa vào cộng đồng

2. Nội dung:

2.1. Phục hồi chức năng cho người bệnh khó khăn về vận động

2.1.1. Đại cương về vận động.

2.1.2. Nguyên tắc giữ thăng bằng cho người bệnh khó khăn về vận động.

2.1.3. Chăm sóc PHCN cho người bệnh khó khăn về vận động.

2.2. Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên

Đại cương.

2.2.2 Nguyên nhân, triệu chứng của người bệnh bị tổn thương thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên

2.2.3 Chăm sóc PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.

2.3. Phục hồi chức năng cho người bệnh bại não

2.3.1 Định nghĩa.

2.3.2 Nguyên nhân.

2.3.3 Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não.

- 2.3.4 Phục hồi chức năng trẻ bại não.
- 2.4. Phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương
 - 2.4.1 Đại cương: Định nghĩa, Nguyên nhân, Tiến triển gãy xương, Biến chứng.
 - Vật lý trị liệu- phục hồi chức năng: Trường hợp gãy xương trước bó bột, phẫu thuật; Trường hợp bó bột hoặc kéo tạ sau nắn kéo chỉnh hình.
 - Phục hồi chức năng sau nắn kéo chỉnh hình.*
- 2.5. Phục hồi chức năng cho người bệnh hô hấp
 - 2.5.1 Đại cương.
 - 2.5.2 Các kỹ thuật VLTL- PHCN hô hấp
 - 2.5.3 Kỹ thuật dẫn lưu tư thế.
 - 2.5.4 Kỹ thuật vỗ lồng ngực.
 - 2.5.5 Kỹ thuật rung.
 - 2.5.6 Kỹ thuật ho và khạc đàm có hiệu quả.
 - 2.5.7 Kỹ thuật tập thở.
 - 2.5.8 Kỹ thuật thư giãn.
- 2.6. Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật
 - 2.6.1 Đại cương.
 - 2.6.2 Chăm sóc phcn trước và sau phẫu thuật lồng ngực.
 - 2.6.3 Chăm sóc phcn trước và sau phẫu thuật ổ bụng.
- 2.7. PHCN cho người bệnh trước và sau đẻ
 - 2.7.1 Đại cương.
 - 2.7.2 Mục đích, hình thức và nguyên tắc tập luyện đối với người bệnh trước và sau khi đẻ.
 - 2.7.3 Chăm sóc PHCN trước và sau đẻ.
- 2.8. PHCN cho người khó khăn về nghe - nói
 - 2.8.1 Đại cương.
 - 2.8.2 Chăm sóc PHCN cho người khó khăn về nghe – nói.
- 2.9. PHCN cho người mắc bệnh động kinh
 - 2.9.1 Đại cương.
 - 2.9.2 Mô tả cơn động kinh điển hình.
 - 2.9.2 Chăm sóc PHCN cho người mắc bệnh động kinh.
- 2.10. PHCN Dựa vào cộng đồng
 - 2.10.1 Nhiệm vụ của PHCN- DVCD.
 - 2.10.2 Phạm vi hoạt động của PHCN - DVCD.
 - 2.10.3 Các nguyên tắc cơ bản về mặt lý thuyết của PHCN-DVCD.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học:

Phòng học lý thuyết, hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính cá nhân.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại.

4. Các điều kiện khác:

Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Khi có đủ điều kiện, nhà trường sẽ trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

1. Xác định mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và các dạng tàn tật thường gặp.
2. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi chức năng thông thường.

- Về kỹ năng:

Làm đúng kỹ thuật các thao tác cơ bản phục hồi chức năng cho người tàn tật, người bệnh, trong 7 nhóm tàn tật ở cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hướng dẫn người bệnh và người nhà tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại cộng đồng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$

Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Phục hồi chức năng được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực.
- Đối với người học: Tự học, tự luyện tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng và vật lý trị liệu.

4. Tài liệu tham khảo:

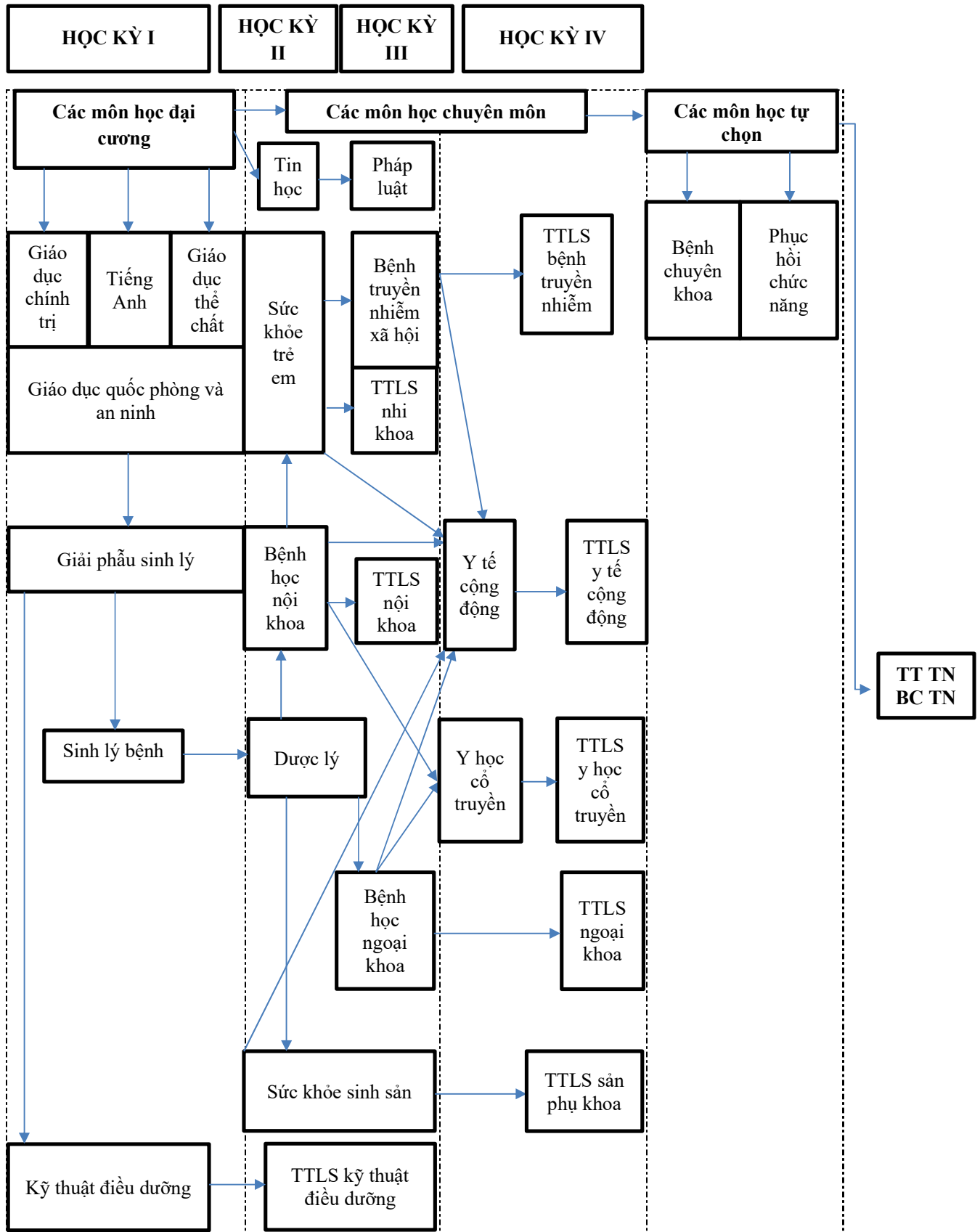
1. Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Trường đại học Y Hà Nội (2000).
2. Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Hội phục hồi chức năng Việt Nam (1996).
3. Giáo trình môn học Phục hồi chức năng/ vật lý trị liệu của nhà trường.
4. Phục hồi chức năng Dựa vào cộng đồng, NXB Y học Hà Nội (2004).
5. Giáo trình môn học Phục hồi chức năng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

Tên ngành: Y sỹ

Mã ngành: 5720101



MỤC LỤC

1. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ -----	6
2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH -----	11
3. GIÁO DỤC THỂ CHẤT -----	23
4. TIẾNG ANH -----	30
5. TIN HỌC-----	41
6. PHÁP LUẬT -----	50
7. GIẢI PHẪU SINH LÝ -----	55
8. SINH LÝ BỆNH -----	63
9. DƯỢC LÝ -----	74
10. KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG-----	84
11. BỆNH HỌC NỘI KHOA -----	101
12. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA -----	112
13. SỨC KHOẺ TRẺ EM-----	119
14. SỨC KHOẺ SINH SẢN -----	130
15. BỆNH TRUYỀN NHIỄM - XÃ HỘI-----	138
16. Y TẾ CỘNG ĐỒNG -----	146
17. Y HỌC CỔ TRUYỀN -----	150
18. THỰC TẬP LÂM SÀNG KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG-----	157
19. THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI KHOA -----	160
20. THỰC TẬP LÂM SÀNG NGOẠI KHOA-----	163
21. THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI KHOA -----	166
22. THỰC TẬP LÂM SÀNG SẢN PHỤ KHOA -----	169
23. THỰC TẬP LÂM SÀNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM -----	172
24. THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN-----	175
25. THỰC TẬP Y TẾ CỘNG ĐỒNG -----	179
26. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP -----	182
27. BÁO CÁO TỐT NGHIỆP-----	186
28. BỆNH CHUYÊN KHOA -----	189
29. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG-----	197